

SỐ 1969

# LẠC BANG VĂN LOẠI

*Sa-môn Thạch Chi Tông Hiểu, ở đất Tứ minh biên soạn.*

## QUYỂN 1

### LỜI TỰA

Trong niên hiệu Càn Đạo, Đức Thọ Cung Thân Lệ Thần Hào viết lớn hai chữ Liên Xã ban cho phòng Ngự Sử Triết Tây Lộ tổng quản Trương Luân như rồng bay phụng múa tám Pháp đều bày, là điềm lành ít có trên đời ở Hà lạc. Trộm nghĩ Hoàng Đế Cao Tông dùng Pháp đường, ngu mà trị yên thiên hạ, khi công thành chẳng ở, cởi giày về ở ẩn, chuyên xem nội điển lại muốn theo núi Lô (Tuệ Viễn) mà niệm Phật nên nêu việc này. Lược khảo từ xưa các vua hưng thịnh thì đều phát triển Thích giáo hoặc xây dựng Tháp miếu hoặc kinh luận, hoặc rộng độ Tăng, Ni mà không hề nghe bày việc phát huy Tịnh Bang, giúp mọi người ra khỏi cõi đời có năm thứ vẫn đục như Vua ta. Đến nay, ở trong và ngoài nước các Tông xưa đều lập xã niệm Phật, tiếng vang rền cả tai. Mới biết bậc chí đức như gió, dân đen như cỏ, không mong mà được như thế. Xin thử luận về Phật ta, đấng Năng nhân sinh ra ở thành Ca-duy, chẳng mền tiếc ngôi báu vào thẳng núi Tuyết mà ngôi yên, lúc thành đạo rồi vì tùy cơ giáo hóa, nên khiến có giáo pháp Đại Tiểu, Thiên Viên khác nhau, cuối cùng là một hội Pháp Hoa cao tốt, một đạo không thiên lệch mở quyền Thừa đều quy về chân thật. Thế nên bản hoài ra đời của Phật đến đây mới xong. Lại nghĩ người đời sau căn cơ ám độn, khó có thể tự tìm cách ra khỏi, nên Phật A-di-đà có bản nguyện lấy cõi Cực lạc làm nơi đường tắt ra khỏi sông ái, sinh lên đất Phật. Cho nên các kinh Đại thừa ân cần khuyên cầu sinh rất nhiều. Bởi Như Lai dùng phương tiện khéo léo khác lạ chẩn bệnh “Trần luân”, “Cha bỏ đi mà để thuốc lại” là ý này. Song khi đại giáo truyền đến Đông độ thì mọi người chưa biết mà Pháp sư Tuệ Viễn đời Đông Tấn đã thần cơ tú

phát, mở lối đầu tiên dẫn nước trồng sen kết duyên Tịnh xã. Lúc đó có một trăm hai mươi ba vị, mười tám vị Đại hiền như Lưu Di Dân, ngài Tuệ Viễn là thượng thủ. Từ đó, đạo Tam-muội niệm Phật truyền bá đến nay đã hơn tám trăm năm mà vết xưa vẫn còn sáng chói. Cho nên Trương Luân tu hành nối gót Tuệ Viễn. Song người học thì phải cầu thầy, muốn tiến nghiệp thì phải nhờ Pháp, cho nên lập xã đều lấy Di-đà làm tông chủ, các kinh làm chỉ nam. Từ đời Tấn, Đường đến nay, các vị cao tăng, cự Nho đều có soạn các tác phẩm khen ngợi việc này. Tuy thuyết nghĩa có cạn sâu, lời văn có khéo vụng, nhưng ví như muôn dòng chảy về Đông cùng ra biển cả, khiến người uống nước biết được nhất vị. Tông Hiếu tôi nay vì tuổi đã già, biết đời chẳng bền chắc, xét kỹ Hoàng Đế Cao Tông đạo thông trời đất, đức sánh Hy Hiên còn tuyên dương chí giáo, mở bày khắp chúng sinh, huống là kẻ tăng hèn mọn nào dám biếng lười việc tư tu. Do đó mà góp nhặt các kinh tìm khắp các bài văn, đọc lại ý chỉ dẫn dạy, dấu lời kín, nghĩa sâu, chưa dễ thấy biết nhưng nhiều năm nghiên cứu cũng hiểu qua đại ý tóm tắt. Lại nghĩ Tùy châu Hòa bích là vật báu trong thiên hạ lại dấu vào ruộng cấy đi thì có ai được cùng hưởng? Nhân rồi rảnh mà biên tập trước từ, kinh chú, sau đến thi từ, gồm mười bốn môn, có hai trăm hai mươi bài, chia làm năm quyển, đề tên là “Lạc bang văn loại”. Bắt chước theo quyển Tây hán văn loại của nhà Nho Liễu Tông Trực mà soạn, nếu bài nào chưa chép hết thì có các đồng chí của tôi sẽ tiếp nối ghi thêm vào.

Kính ghi lời tựa.

-----

## MỤC LỤC

### **I. Mục lục kinh luận chuyên nói về Tịnh độ trong Đại Tạng**

1. Kinh Pháp Hoa: Khởi đầu của việc hóa duyên trong sự tích Phật A-di-đà.
2. Kinh Bi Hoa: Nhân nguyện, Thọ ký. Danh hiệu của ba vị Thánh.
3. Kinh Xuất Sinh Bồ-tát: Nhân Hạnh của Phật Di-đà thành tựu chúng sinh.
4. Kinh Vô Lượng Thọ: Bồ-tát Pháp Tạng phát nguyện trang nghiêm cõi mẫu.
5. Kinh Di-đà theo lối kệ: Tướng nhiếp lấy cõi nước của Bản nguyện Di-đà.
6. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Bồ-tát Đại Thế Chí được Niệm Phật Viên Thông.
7. Kinh Cổ Âm Vương: Nói về cõi nước, cha mẹ, thân thuộc của Phật Di-đà.
8. Kinh A-di-đà: Cực lạc ở cách cõi này mười muôn ức cõi Phật.
9. Kinh A-di-đà: Bảy ngày không loạn thì cảm ứng được Phật mà vãng sinh.
10. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Thực hành ba thứ nghiệp được vãng sinh Tây phương.
11. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Trước tiên tu quán mặt trời đưa tư tưởng về Tây phương.
12. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Y cứ vào tâm mà quán Phật thuộc pháp quán tượng thứ tám.
13. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Đủ ba thứ tâm liền được vãng sinh.
14. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Công phu mười niệm thành tựu thì Hạ phẩm hạ sinh.
15. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Bà Vi-đề-hy và các gái hầu đều được vãng sinh.
16. Kinh A-di-đà: Do tâm nghi ngờ sẽ sinh ở biên giới của Tây phương.
17. Kinh Vô Lượng Thọ: Chẳng hiểu trí Phật sinh vào Thai Cung.
18. Kinh Bồ-tát Xử Thai: Có tâm đắm nhiễm sinh vào nước Giải mạn.

19. Kinh Bình Đẳng Giác: Thanh văn ở Tịnh độ tu hành chứng quả.
20. Kinh Vô Lượng Thọ: Gây năm tội nghịch, chê bai Chánh pháp không được vãng sinh.
21. Kinh Vô Lượng Thọ: Tướng tu nhân vãng sinh của ba bậc.
22. Kinh Vô Lượng Thọ: So sánh sự tu thiện khác nhau giữa hai cõi.
23. Kinh Vô Lượng Thọ: Nhiều chúng Bồ-tát vãng sinh Tịnh độ.
24. Kinh Vô Lượng Thọ: Khi Pháp diệt, lưu lại kinh này một trăm năm để độ người.
25. Kinh Vô Lượng Thọ: Khuyên mọi người tinh tấn gắng sức cầu sinh.
26. Kinh Vô Lượng Thọ: Phật Vô Lượng Thọ ánh sáng chiếu khắp.
27. Kinh Vô Lượng Thọ: Bát bấu ăn uống tự nhiên đầy đủ.
28. Kinh Hoa Nghiêm: So sánh hai cõi ngày đêm dài ngắn.
29. Kinh Văn-thù Thuyết Bát-nhã: Tu Nhất hạnh Tam-muội, chuyên xưng danh hiệu Phật.
30. Kinh Ban-chu: Tu Tam-muội Phật lập, chuyên niệm Di-đà.
31. Kinh Phương Đẳng Đại Tập: Tu Tam-muội Phật lập, pháp quán Trung đạo.
32. Kinh Hoa Nghiêm: Trưởng giả giải thoát được pháp môn Duy tâm niệm Phật.
33. Kinh Hoa Nghiêm: Nương vào nguyện Phổ Hiền được sinh Cực lạc.
34. Kinh Pháp Hoa: Nghe kinh tu hành liền được vãng sinh.
35. Kinh Đại Bảo Tích: Phát mười thứ tâm được sinh Cực lạc.
36. Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh: Ta-bà vẫn đực, riêng khen Tây phương.
37. Kinh Đại Tập Nhật Tạng: Niệm Phật tùy tâm thấy lớn thấy nhỏ.
38. Kinh Mục-liên Sở Vấn: Cõi nước Vô Lượng Thọ dễ đến, dễ nhiếp lấy.
39. Kinh Thập Vãng Sinh: Người niệm Phật được Bồ-tát che chở, giữ gìn.
40. Kinh Quán Phật Tam-muội: Phật thọ ký ngài Văn-thù vãng sinh Cực lạc.
41. Kinh Văn-thù Phát Nguyện: Ngài Văn-thù phát nguyện cầu

sinh Cực lạc.

42. Kinh Nhập Lăng-già: Phật thọ ký cho ngài Long Thọ vãng sinh Cực lạc.

43. Kinh Thiện Tín Ma Thân: Thiện tín nhằm chán thân nữ, cầu sinh Tây phương.

44. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Xét tình tướng nhiều ít mà luận về quả báo cao thấp.

45. Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ: Thiện ác chiêu cảm quả báo hơn kém khi qua đời.

## **II. Mười Đạo Thần Chú**

Vô Lượng Thọ tu quán hạnh cúng dường nghi quỹ (Trong nghi quỹ này trích ra ba bài chú sau):

1. Vô Lượng Thọ Như Lai Quyển Ấn Chân Ngôn.

2. Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn Chân Ngôn.

3. Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn.

Kinh Ô-sắt-nị-sa Tối Thắng Tổng Trì (trong kinh này trích ra một chú sau):

4. Vô Lượng Thọ Như Lai Tổng Trì Pháp Môn.

5. Kinh Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân ngôn (trong kinh này trích ra ba chú sau)

6. Nhất Tự Chân Ngôn.

7. Bát Biến Giải Thoát Tâm Chân Ngôn.

8. Bất Không Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn.

9. Di-đà Bát Tư Nghị Thần Lực Truyện.

10. Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn bản đặc sinh.

## **III. Sáu mục về luận**

1. Luận Vô Lượng Thọ: Kệ vãng sinh và pháp tu năm môn.

2. Luận Tỳ-bà-sa: Niệm Phật là đạo dễ làm.

3. Luận Đại Trí Độ: Chứa nhóm nhiều công đức cầu sinh cõi Tịnh.

4. Luận Đại Trí Độ: Thích-ca, Di-đà mỗi vị đều có cõi nước tịnh và uế.

5. Luận Đại thừa Khởi Tín: Ta-bà chẳng gặp Phật, khuyên chuyên niệm Phật.

6. Tư Duy Yếu Lược Pháp: Hai căn Lợi Độn quán tướng tốt của Phật.

## 7. Tôn hiệu Phật A-di-đà.

Mục lục các kinh luận trong Đại Tạng chuyên nói về Tịnh độ.

Tôi biên tập các văn này là trước nêu các kinh luận để người muốn tu Tịnh nghiệp lấy đó làm gốc. Vì các kinh luận này đều ở rải rác trong Đại Tạng, nay ghi tên kinh và tên hòm để dễ xem xét.

1. Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác: Một bộ hai quyển. Hòm chữ Nãi. Ngài Tam tạng nước Nguyệt Chi, tên là Chi-lâu-ca-sấm, đời Hậu Hán dịch. Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng giác là tên khác của Phật Vô Lượng Thọ. Bốn chữ Thanh Tịnh Bình Đẳng là ý chữ Thọ, còn Giác là tiếng Hán dịch chữ Phật.

2. Kinh Phật Thuyết A-di-đà: Một bộ hai quyển, hòm chữ Nãi. Ngài Tam tạng nước Nguyệt Chi, tên Chi Khiêm, đời Ngô dịch. Kinh này cũng gọi là kinh A-di-đà Tam-da-tam-Phật-tát-lâu-Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo.

3. Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ: Một bộ hai quyển, hòm chữ Nãi. Ngài Tam tạng Khương Tăng Khải, đời Tào Ngụy dịch.

Kinh này còn có bản do ngài Trúc Pháp Hộ, đời Tấn dịch vào niên hiệu Vĩnh Gia ở trong Bản tạng, nay đã mất. Trong Quán kinh số ngài Thiên Thai gọi là Đại Bản tức là bản ngài Pháp Hộ dịch.

4. Kinh Đại Bảo Tích, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội.

Quyển thứ mười bảy, mười tám hòm chữ Sư. Do ngài Bồ-đề-lu-chi, đời Đại Đường dịch. Kinh Bảo Tích gồm các kinh Đại thừa Phương Đẳng. Gồm bốn mươi chín hội, hội thứ bảy tức Hội Vô Lượng Thọ.

5. Kinh Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm: Một bộ ba quyển, hòm chữ Bình, do Tam tạng Pháp Hiền, người Tây thiên, đời vua Đại Tông thuộc Đại Tống vâng chiếu dịch.

Năm quyển kinh trên, Bình Đẳng giác và A-di-đà đều dịch Tỳ-kheo Pháp Tạng có hai mươi bốn nguyện, còn Vô Lượng Thọ và Đại Bảo Tích Hội thì dịch có bốn mươi tám nguyện. Ở đời có một bản riêng gọi là kinh Bốn Mười Tám nguyện, một quyển. Nhưng chính là từ kinh Vô Lượng Thọ chép ra chứ không phải là bản kinh riêng. Lại kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm dịch có ba mươi mốt nguyện. Phụ Hành nói: Số nguyện khác nhau vì bộ khác thì thấy khác, không cần hòa hội. Nhưng đọc kỹ năm kinh thì đại khái hầu hết đều giống. Hình như cùng bản chữ Phạm mà người dịch thấy khác nên tùy nghi rộng, tóm. Ngài Kinh Khê gọi là khác bộ thấy khác là giảng lời Phật nói thì đồng mà tùy cơ thấy có khác. Còn việc kiết tập mà phiên dịch đều không giống nhau. Vậy thì nói giống hay khác chưa dám quyết định, xem rồi sẽ thấy

rõ. Trong năm bản, dịch lời văn trong sáng là bản Tào Ngụy, nên văn các tổ sư phần nhiều đều trích dẫn từ bản này.

6. Kinh Phật Thuyết A-di-đà: Một quyển, hòm chữ Dường, ngài Tam tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-thập, đời Diêu Tần dịch. Trong Thiên Thai Quán kinh số gọi kinh này là Tiểu bản, trước đó kinh Vô Lượng Thọ gọi là Đại bản. Còn bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, vì ở giữa hai quyển kia nên gọi là Trung Bản.

7. Kinh Xưng Tán Tịnh độ Phật Nhiếp Thọ: Một quyển, hòm chữ Dường. Ngài Tam tạng Pháp Sư Huyền Trang, đời Đại Đường dịch.

Hai kinh trên (6-7) cùng bản Phạm mà khác tên người dịch. Bản đời Tần nêu các Đức Phật sáu phương khen ngợi, còn bản đời Đường thì nói đủ các Đức Phật mười phương khen ngợi. Đây cũng là do người dịch tùy thời mà rộng, hẹp khác nhau. Văn Long Thư Tịnh độ nói: Bản dịch đời Tần lược bỏ bốn phương chẳng hiểu bộ phiên dịch có khác chăng?

8. Kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, một quyển, hòm chữ Dường, do ngài Cương-lương-da-xá dịch vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống. Kinh này là một bản riêng trong Tạng không có dịch trùng, cũng gọi là kinh Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sinh Chư Phật Tiên.

9. Kinh Hậu xuất A-di-đà Phật Kệ, một quyển, hòm chữ Dường, dịch vào đời Hậu Hán, mất tên người dịch. Kinh này chỉ có năm mươi sáu câu kệ tụng, văn thể đơn giản. Xưa nay không có ai bình.

10. Kinh A-di-đà Cổ Âm Thịnh Vương Đà-la-ni, một quyển, hòm chữ cao, mất tên người dịch. Hai kinh, có người không hiểu cho là “Thất dịch” là không dịch sách Phạm.

11. Kinh Ban-chu Tam-muội, một bộ ba quyển, hòm chữ Tội. Tam tạng nước Nguyệt Chi là Chi-lâu-ca-sấm, đời Hậu Hán dịch. Trong tạng có kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, kinh Bát Pha và kinh Ban-chu là cùng bản Phạm mà khác tên người dịch. Là kinh chuyên nói về hiện tại Phật đang lập Tam-muội, trong chín mươi ngày quán tưởng xưng tụng Di-đà, Ma-ha chỉ quán, thường hành Tam-muội.

12. Kinh Phật Thuyết Như Lai Ô-sắc-ni-sa Tối Thắng Tổng Trì. Một quyển, hòm chữ cao. Tam tạng Pháp Thiên, người Tây thiên thời vua Thái tông đời Đại Tống vãng chiếu dịch. Kinh này Phật Vô Lượng Thọ nói thần chú giúp chúng sinh sống lâu, khi qua đời liền được vãng sinh Cực lạc.

13. Vô Lượng Thọ Như Lai Tu Quán Hạnh Cúng Dường Nghi Quỹ, một quyển, hòm chữ Hành. Ngài Tam tạng Bất Không, chùa Đại

Hưng Thiện vâng chiếu dịch. Nghi quỹ này kết đàn tụng chú, chuyên cầu vãng sinh.

14. Vô Lượng Thọ Luận Ưu-ba-đề-xá, một quyển, hòm chữ Đường. Bồ-tát Bà-tẩu-lũ-đâu (Thiên Thân) soạn ra, vào đời đầu nhà Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người Thiên Trúc dịch. Bà-tẩu-lũ-đâu, Hán dịch là Thiên Thân, trong Luận Thập Nghi của ngài Thiên Thai gọi đó là luận Vãng sinh. Luận này nói chung về các kinh Tịnh độ, nói về pháp quán tưởng giúp người tu Tịnh Nghiệp.

15. A-di-đà kinh Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện, hòm chữ Đường. Truyện này mất tên người soạn. Truyện này và Tiểu Bản kinh Di-đà đều có thần chú vãng sinh.

16. Tập Chư kinh Lễ Sám Nghi hai quyển, hòm chữ Quần.

Ở quyển thượng thì Sa-môn Trí Thắng đời Đường tập hợp nửa quyển trước về Lễ chung các Đức Phật, nửa quyển sau thì nêu riêng các kệ tụng lễ tán Tây phương và các văn sám hối, phát nguyện... Ở quyển Hạ thì Tỳ-kheo Thiệu Đạo chọn ghi các yếu nghĩa tu Tây phương và ghi chép sáu thời lễ tán kệ tụng Tịnh độ... của các Tổ.

Các kinh, luận, truyện trên gồm mười sáu thứ, đều chuyên nói về Tịnh độ. Cho nên Luận Thập Nghi nói. Trong tạng có hơn mười bộ Kinh Luận ân cần dạy khuyên vãng sinh Tây phương. Các bậc Tiên Hiền nói Tịnh độ chỉ có bảy kinh là chưa xét kỹ.

1. Kinh Pháp Hoa: Khởi đầu của việc hóa duyên trong sự tích Phật A-di-đà.

Trong Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Thuở quá khứ có Đức Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng. Phật này khi chưa xuất gia có mười sáu con đều là trẻ con xuất gia làm Sa-di. Khi Phật nói kinh xong liền vào tịnh thất suốt tám mươi bốn ngàn kiếp. Lúc ấy mười sáu Bồ-tát biết Phật vào tịnh thất bèn lên tòa vì nói rộng giải thích kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho bốn chúng nghe, mỗi Bồ-tát đều độ sáu trăm tám mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh, các chúng sinh do mười sáu vị này hóa độ đều đời đời cùng sinh với Bồ-tát. Mười sáu vị Sa-di ấy hiện đang nói Pháp ở khắp mười phương. Cho đến nói rằng ở Tây phương có hai vị Phật cùng một tên A-di-đà, vị thứ mười sáu là Phật Thích-ca Mâu-ni ta. Các chúng sinh được hóa độ lúc ấy là Tỳ-kheo các thầy, sau khi ta diệt độ ở trong đời vị lai chính là các đệ tử Thanh văn. Khi Như Lai tự biết mình sắp Niết-bàn bèn nhóm họp các chúng Bồ-tát và Thanh văn mà nói kinh ấy.

Tông Thiên Thai nói rõ về Bổn Tích của Pháp Hoa. Trong Tích thì



tôn Đức Phật Đại Thông Trí Thắng làm đầu. Văn này có ba ý:

1. Từ thuở xưa đã kết duyên với nhau (lúc đó mười sáu Bồ-tát...)
2. Ở khoảng giữa gặp nhau (mười sáu Bồ-tát ấy...)
3. Ngày nay lại nói kinh Pháp Hoa (Các Đức Như Lai...)

Ba việc này bao gồm trong Tích, hẹn độ hết chúng sinh. Đức Thích-ca như thế, Đức Di-đà cũng thế. Bởi mười sáu vị Vương tử thời Phật Đại thông Trí Thắng đã được kết duyên. Các Vương tử mỗi vị đều được thành Phật, vị thành Phật ở Tây phương hiệu là A-di-đà. Lấy quả nghiệm nhân thì Di-đà lúc ấy là Vương tử thứ chín, giảng nói cho chúng sanh nghe nên biết Phật Di-đà kết duyên với mọi người rất sớm. Cho nên Diệu Huyền thứ sáu có nói: Phật Đại Thông là người đầu tiên kết duyên Đại thừa, Phật ấy nói kinh trong tám ngàn kiếp, mười sáu vị Vương tử giảng lại trong tám mươi tư ngàn kiếp. Bấy giờ, thính chúng hoặc ngay chỗ ngồi liền ngộ hoặc trong khi nghe được vào, hoặc gần gũi hóa độ đây mới được, tức là ý ấy. Như thế mà cân nhắc, không phải chỉ hiển bày việc các Phật hóa độ đều đồng một Đạo mà cũng biết xưa nay các người vãng sinh Tịnh độ chính là số chúng sinh đã kết duyên từ xưa với Vương tử thứ chín rồi vậy.

2. Kinh Bi Hoa: Nhân nguyện, thọ ký, danh hiệu của ba vị Thánh.

Thuở xưa, cách nay hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp, có thế giới tên là San-đề-lam, kiếp tên Thiện trì, có vị vua Chuyển luân tên là Vô Tránh Niệm, làm chủ bốn thiên hạ. Có một vị Đại Thần tên là Bảo Hải, thuộc giòng Phạm chí. Lúc đó sinh người con có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thường có ánh sáng chiếu xa một tầm. Khi sinh có trăm ngàn các vị trời đến cúng dường. Nhân đó đặt tên là Bảo tạng. Sau cạo bỏ râu tóc xuất gia thành Đạo Bồ-đề hiệu là Bảo Tạng Như Lai, vì Thánh vương nói rộng Chánh pháp. Vua thỉnh Như Lai và Thánh chúng cúng dường ba tháng. Vua có một ngàn người con. Vua và các con cúng dường Như Lai suốt hai trăm năm mươi năm. Ai nấy đều hưởng về Phật và các Tỳ-kheo tăng mà sám hối các tội. Khi ấy, Như Lai bèn vào Tam-muội (Định), phát ra ánh sáng rực rỡ, hiện ra các thế giới ở mười phương. Hoặc có thế giới đầy năm thứ vẫn đục, hoặc có thế giới thanh tịnh nhiệm mầu... Vua bạch Phật rằng: “Các Bồ-tát nhờ nghiệp gì mà được thế giới thanh Tịnh, do nghiệp gì mà chịu thế giới bất tịnh?” Phật nói: “Bồ-tát do có nguyện lực nên được cõi thanh tịnh lìa bỏ năm thứ vẫn đục, lại có Bồ-tát do có nguyện lực mà cầu cõi có năm thứ vẫn đục.” Vua thưa: Nay con thành thật muốn được quả Bồ-

đề, nhưng không nhận lấy cõi Phật bất tịnh. Con trong mười năm trước đây luôn ngồi thẳng suy tư, trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh, nay con phát nguyện khi thành Đạo rồi thì trong thế giới của con không có địa ngục, nga quỷ, súc sinh. Chúng sinh trong nước con đều có màu vàng ròng; trời, người không khác nhau, không có người nữ, cùng một loại hóa sinh, tuổi thọ vô lượng. Thế giới thanh tịnh, không có nhơ bẩn hôi hám, có các thứ cung điện trang nghiêm như ở tầng trời thứ sáu. Các thế giới Phật khác nếu có chúng sinh nghe danh hiệu tôi mà tu các gốc lành, muốn sinh về cõi tôi thì khi chết liền được sinh về. Chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch, chê bai bậc Thánh, phá hoại chánh pháp (An dưỡng ký nói: Kinh Bi Hoa có hai mươi tư nguyện, nhưng vẫn lược bỏ), khi Luân vương phát nguyện lớn xong, Đức Phật liền bảo rằng: Đại vương! Ông hãy nhìn về phương Tây cách trăm ngàn muôn ức cõi Phật có Tôn Âm Vương Như Lai, có thế giới Thanh tịnh trang nghiêm, đều như lời nguyện của Đại vương. Như thế có bốn Đức Phật ra đời rồi nhập diệt, qua một hăng hà sa A-tăng-kỳ kiếp. Vào hăng hà sa A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, lúc đó thế giới ấy đổi tên là An lạc, lúc đó ông sẽ được thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Khi ấy, Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho Thái tử thứ nhất là Bất Thuần rằng: Ông xem thấy trời người trong ba đường ác, tất cả chúng sinh mà sinh tâm đại Bi, muốn dứt hết các khổ não cho chúng sinh, muốn giúp cho chúng sinh trụ vào An lạc, nên nay ông sẽ làm Quán Thế Âm. Khi Phật Vô Lượng Thọ nhập Niết-bàn rồi thì cõi nước ấy đổi tên là Nhất thiết trân bảo sở thành tựu thế giới, có các thứ trang nghiêm, mà thế giới An lạc không bằng được. Ông thành Đạo Bồ-đề hiệu là Biến Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai, Phật lại bảo thái tử thứ hai là Ni-ma rằng: Nay ông nguyện nhận lấy đại thế giới đúng như nguyện, ông sẽ thành Đạo Bồ-đề hiệu là Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai. Do ông lấy Đại thế giới như điều nguyện, do đó mà ông được làm đại Thế chí. (Các thứ nhân nguyện, thọ ký, tên kiếp, tên nước... của ba vị Thánh đến lần hai lần ba chỉ ghi lược).

3. Kinh Nhất Hưởng Xuất Sinh Bồ-tát: Nhân hạnh của Phật Di-đà, thành tựu chúng sinh:

Phật nói ta nhớ thuở quá khứ cách vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu là Bảo Công Đức Oai Túc Kiếp Vương. Khi Phật ấy sắp vào Niết-bàn, đã vì chúng sinh nói rộng Pháp bốn Đà-la-ni. Lúc đó, có Luân vương tên là Trì Hỏa. Vua có Thái tử tên là Bất Tư Nghị Thắng Công Đức, mới mười sáu tuổi đã nghe Pháp bốn với Như Lai đến

bảy muôn năm, rất siêng năng tu tập, không hề ngủ nghỉ, cũng chẳng nghiêng ngã, ngồi thẳng một chỗ. Chẳng tham của báu và ngôi vua, không ưa thích thân mình. Đã từng gặp chín mươi ức trăm ngàn na-do-tha vị Phật và Pháp giải thoát của các Đức Phật đã được nghe hết và đặc biệt tu tập, nhằm chán gia đình, xuất gia làm Sa-môn. Lại ở trong chín muôn năm tu tập Đà-la-ni này. Lại giảng nói phân biệt cho chúng sinh nghe, trong một đời gắng sức chuyên tinh giáo hóa, khiến tám mươi ức trăm ngàn na-do-tha chúng sinh được phát Đạo tâm, chứa nhóm công đức trụ vào địa vị không lui sụt. Tỳ-kheo Bất Tư Nghì Thắng Công Đức lúc ấy không phải ai khác, chính là A-di-đà Như Lai đây vậy. (Kinh Đại Tạng hòm chữ Tri).

4. Kinh Vô Lượng Thọ: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện trang nghiêm cõi mầu.

Trong thời quá khứ lâu xa, Đức Phật Đỉnh Quang ra đời, như thế thứ lớp đến Phật thứ năm mươi ba tên là Thế Tự Tại Vương. Trong đời Phật ấy có một vua nghe Phật nói pháp tâm rất vui mừng, bỏ nước bỏ ngôi làm Sa-môn, hiệu là Pháp Tạng, là người tài giỏi sáng suốt hơn đời. Đức Phật ấy nói pháp như biển lớn, người suy lường nhiều kiếp không thể đến đáy mà lấy được của báu. Có người dốc lòng tinh tấn cầu đạo không ngừng thì nguyện nào mà chẳng được. Phật nhân đó nói rộng hai trăm mười ức cõi Phật, trời, người thiện ác, cõi nước thô diệu, Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe Phật nói đều thấy rõ. Bèn phát thảng nguyện, tâm rất yên vắng, chí không mê đắm. Lại bạch Phật rằng: Cúi mong Phật nghe xét, như điều con nguyện sẽ nói đầy đủ: Nếu con thành Phật mà trong nước con có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì con không thành Chánh giác... Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bốn mươi tám lời nguyện xong thì mặt đất rung chuyển, trời rải hoa đẹp như mưa. Tỳ-kheo Pháp Tạng chắc thật không luống dối, vượt ngoài thế gian, chuyên chí một mực trang nghiêm cõi mầu, giáo hóa an lập vô số chúng sinh, đều khiến an trụ trong Vô thượng chánh chân. Nay đã thành Phật hiện đang ở thế giới An lạc Tây phương. Cõi nước ấy ấy bảy báu kỳ lạ, đẹp đẽ vượt hơn các cõi nước trong mười phương. Cõi nước ấy không có núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng, biển rộng khe lớn, hang giếng... không có bốn đường ác, không có Xuân, Hạ, Thu, Đông, không nóng không lạnh, luôn điều hòa thích ứng với các chúng sinh. Đó là do công đức, Thiện lực đức và sức hạnh nghiệp lành mà được như thế.

5. Kinh Di-đà theo lối kệ: Tướng nhiếp lấy cõi nước của bản nguyện Di-đà.

Nhớ Tỳ-kheo, Pháp Tạng nhiều đời đều làm vua, phát nguyện cùng các Phật, phát hai mươi bốn lời nguyện. Đời đời gặp các Phật, trải qua vô số kiếp. Chẳng bỏ hạnh Túc mạng. Công đức đủ bèn thành, thế giới tên Thanh tịnh. Phật có tên Vô Lượng, cõi nước đẹp bằng yên, có nhiều bậc Thượng thiện. Phật tuổi thọ vô lượng, ánh sáng cũng vô biên. Bồ-tát và đệ tử đông không thể tính đếm. Nếu muốn thấy Phật ấy, chớ nghi cũng chớ lo, ai nghi ở trong thai, năm trăm năm chẳng thấy, không nghi thì liền sinh. Khoanh tay hầu trước Phật. Xin nguyện khắp mười phương. Phút chốc liền cùng về.

6. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Bồ-tát Đại Thế Chí được niệm Phật Viên Thông

Pháp Vương tử Đại Thế Chí và năm mươi hai vị Bồ-tát cùng tu một pháp môn đồng đứng dậy đánh lễ Phật và bạch rằng: Con nhớ hằng hà sa kiếp xưa có Phật ra đời tên là Vô Lượng Quang. Mười hai Đức Như Lai kế tiếp nhau ra đời trong một kiếp. Vị Phật sau cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Phật ấy dạy con niệm Phật Tam-muội. Ví như có một người lúc nào cũng nhớ, một người lúc nào cũng quên. Như thế hai người gặp nhau cũng như không gặp, thấy nhau cũng như không thấy. Nếu có hai người cùng nghĩ nhớ nhau, nhớ nghĩ sâu sắc cho đến đời này đến đời khác cũng như hình với bóng không trái nhau. Các Đức Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn chạy dầu mẹ nhớ có làm gì được. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì dầu trải qua nhiều đời cũng không xa cách. Không nhờ phương tiện mà tự được tâm khai. Như người dính dầu thơm thì thân có mùi thơm. Đây gọi là hương Quang trang nghiêm. Nhân địa gốc của con là dùng tâm niệm Phật mà vào Vô sinh nhẫn, nay ở cõi này dẫn dắt người niệm Phật về Tịnh độ. Phật hỏi Viên Thông con không chọn lựa, nhiếp cả sáu căn, Tịnh niệm nối nhau, được Tam-ma-đề đây là bậc nhất.

Trường Thủy sơ chép: Vô Lượng Thọ cũng gọi là Vô Lượng Quang. Một người lúc nào cũng nhớ là Phật, một người lúc nào cũng quên là người không niệm Phật. Chúng sinh như thế chắc chắn không thấy Phật. Cho nên nói: Nếu gặp cũng như không gặp. Phật và chúng sinh nhớ nghĩ khớp nhau cho đến như hình với bóng. Tâm niệm Phật lúc đầu tức dùng tâm sinh diệt mà duyên với tướng tốt của Phật chuyên chú một cảnh, tâm không gián đoạn, thấy tướng tốt của Phật như ảnh trong gương. Lại quán việc niệm Phật đều là luống dối, vốn không tự tánh. Từ niệm tướng hiện cho nên tâm năng niệm đã khởi hay chưa khởi từ đâu mà chẳng thấy có một pháp, rốt ráo vắng lặng, xưa nay lìa niệm.

Lìa tướng niệm giống như hư không, không có riêng một tướng pháp giới nào, tức là Pháp thân Như Lai bình đẳng nên nói là vào Vô sinh nhẫn. Ta đã được độ, chúng sinh không khác với ta. Tánh không khác quan hệ với nhau. Cho nên người niệm Phật ta đều dẫn dắt. Niệm thuộc về ý căn. Ý là chỗ nương của các căn, cho nên nói nhiếp cả, Niệm tức vô niệm, cho nên nói Tịnh niệm, không có khoảng cách giữa các niệm nên nói nối nhau. Tập giải nói do chứng nghiệm mà tu, tâm niệm Phật không thể chỉ nói về sự mà hiểu, niệm giữ ba thứ quán, Phật đủ ba thứ thân, tâm phá được ba hoặc, địa vị Vô sinh nhẫn mới được vào.

7. Kinh Cổ Âm Vương: Cõi nước, Cha mẹ và thân thuộc của Phật Di-đà.

Khi Phật ở tại Pháp Hội trong Đại thành Chiêm-ba thuyết giảng về thế giới Cực lạc ở Tây phương của Phật A-di-đà có nói rằng người nào trì niệm danh hiệu Phật ấy thì khi sắp qua đời, Phật và đại chúng sẽ đến chỗ người ấy khiến cho thấy, thấy rồi thì vui vẻ được sinh, lìa hẳn bào thai, thân hình uế dục, tự nhiên hóa sinh trong hoa sen báu. Cõi nước ấy tên là Thanh Thái Thánh vương, thành rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần. Trong đó tràn đầy người thuộc dòng Sát-lợi. Cha của Phật A-di-đà là Chuyển luân Thánh vương Nguyệt Thượng, mẹ ngài tên là Thù Thắng Diệu Nhan, con tên là Nguyệt Minh. Đệ tử ngài là Vô Cấu Xứng, đệ tử trí tuệ tên là Lãm Quang, thần túc, tinh tấn, tên là Đại Hóa, Ma vương tên là Vô Thắng, có Đê-bà-đạt-đa tên là Tịch Tĩnh. Nếu ai tụng Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà-la-ni trong mười ngày mười đêm, suốt sáu thời chuyên niệm, kính lễ Phật ấy, chánh niệm bền chắc, tẩy trừ bỏ tâm loạn. Niệm niệm không ngắt, thì trong mười ngày sẽ thấy Đức Phật ấy và thấy các Đức Như Lai mười phương cùng chỗ ở của các ngài. Chỉ trừ người có chướng nặng và độn căn thì không thấy được (Thần chú dài nên ở đây không chép vào).

Ngoài ra Lô Sơn Di-đà sơ có nói kinh Cổ Âm Vương nói: Có người nữ và kẻ ác nghịch há chẳng phải Di-đà hiện ra cõi ư? Thiên Trúc quyết nghi nói: Luận Thiên Thân nói người nữ và người căn thiếu không được sinh. Còn kinh Cổ Âm Vương thì cho rằng Phật mẫu khi Phật mới giáng sinh đã thành chánh giác, thì cõi nước ấy thanh tịnh theo, hẳn không có người nữ, hoặc Phật mẫu đã đổi thành người nam giống như Long Nữ ở cõi này. Hoặc lại chết như mẹ của Tất-đạt-đa. Thuyết của hai nhà nói thì lấy Thiên Trúc làm chánh, vì kinh đã nói xa lìa bào thai uế dục. Vì Phật khuyên người cầu vãng sinh nên chỉ đối cơ khác nhau, có sai khác chút ít với các kinh.

8. Kinh A-di-đà: Cực lạc ở cách cõi này mười muôn ức cõi Phật:

Từ đây về phương Tây cách mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực lạc. Cõi ấy có Đức Phật hiệu là A-di-đà hiện đang nói pháp. Thập Xuyên Tân số nói: Cõi Cực lạc có bốn cõi khác nhau, đó là Đồng cư, Phương tiện, Thật báo và Tịch quang. Ba cõi trước có khổ có vui. Chỉ riêng cõi Tịch quang là vui rất ráo. Trong Đồng cư có hai: Đồng cư uế và Đồng cư tịnh. Nay kinh này nói là Đồng cư tịnh, vì ý Phật khiến người tu đến thẳng cái vui của Tịch quang, nhưng vì người ấy chưa thể nên khiến lấy Đồng cư tịnh. Đã đến được cái Tịnh ấy thì có thể đến được cái vui rất ráo của Tịch quang. Lớn lao thay việc khéo quyền biến của bậc Thánh nhân.

Trong luận Thập Nghi có hỏi:

- Tây phương cách đây mười muôn ức cõi Phật, kẻ phàm phu yếu kém làm sao đến được?

Đáp rằng:

- Vì đối với phàm phu mắt thịt có tâm lượng sinh tử nên nói thế. Chứ Tây phương cách đây mười muôn ức cõi, chỉ cần chúng sinh khi nghiệp Tịnh độ thành thì lúc sắp qua đời, tâm ở trong định tức là tâm thọ sinh Tịnh độ khi động niệm liền sinh Tịnh độ, Thế nên kinh Quán nói: Nước Phật cách đây không xa. Lại nghiệp lực không thể suy nghĩ bàn luận chỉ một niệm liền sinh không phải lo xa. Lại như người nằm mộng thân tuy ở trên giường mà tâm ý thức đến khắp phương khác. Sinh Tịnh độ cũng thế, chẳng nên nghi ngờ.

**Tự Tín Lục nói:** Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi. Kẻ phàm phu chết rồi thì khoảnh khắc liền đến là do tâm mình vốn nhiệm mầu mà thôi. Như kinh Lăng Nghiêm nói: Ông cũng chưa biết rõ tất cả phù trần các tướng huyền hóa, ngay chỗ sinh ra thì ngay đó diệt mất, do nhân duyên luống dối hòa hợp gọi là có sinh, do nhân duyên luống dối chia lìa gọi là có diệt. Thật chẳng biết sinh diệt xưa nay vốn là Như Lai tạng thường trú diệu minh. Trong tánh Chân thường mà tìm kiếm cái tới lui mê-ngộ sinh-tử thì không thật có. Lấy đây mà suy thì khi sắp qua đời do duyên lìa các nhiễm vẫn đục mà Ta-bà huyền mật và duyên hợp các thanh tịnh mà Cực lạc huyền sinh, đây diệt kia sinh không cách nhau một sợi tóc thì sao có khoảnh khắc mà luận. Hoặc thấy cả ngày lấy bỏ mà không hề lấy bỏ vậy.

9. Kinh A-di-đà: Bảy ngày không loạn thì cảm ứng được Phật mà vắng sinh.

Không thể với nhân duyên phước đức gốc lành ít ỏi mà được sinh



về cõi nước ấy. Nếu ai nghe nói Phật A-di-đà mà chấp trì danh hiệu Phật ấy từ một ngày cho đến bảy ngày mà nhất tâm bất loạn thì khi người ấy qua đời, Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng sẽ hiện ra trước mắt, khi chết người ấy tâm không điên đảo liền được vãng sinh.

**Trong Lô Sơn sớ** nói: Không thể với chút ít gốc lành mà được sinh, tức nói phải có nhiều gốc lành mới được sinh. Chút ít gốc lành nghĩa là phát nguyện cho có, xưng danh tán loạn. Còn nhiều tức là chấp trì danh hiệu định kỳ nhất định. Chấp nghĩa là vâng lãnh, trì nghĩa là làm theo. Do tín nên vãng sinh trong lòng, vì niệm lực nên giữ mãi không quên.

**Trong Tráp Xuyên Sớ** chép: Phước đức dù nhiều nhưng đại khái như trong kinh Quán nói ba thứ Tịnh nghiệp. Ngài Thiên Thai nói ba thứ Tịnh nghiệp làm tán tâm, chỉ mười sáu Diệu Quán mới gọi là chánh thọ, lấy đây mà nêu kia. Phước đức nhân duyên tức là tán tâm, nhất tâm bất loạn là chánh thọ. Ngài Lô Sơn nói kinh này là tán thiện, còn kinh Quán thuộc định thiện. Tôi không theo thuyết ấy. Vả lại Phổ môn phẩm Sớ giải thích nhất tâm xưng danh có sự có lý. Nếu chú tâm luôn niệm không gián đoạn là sự nhất tâm, nếu hiểu rõ tâm này bốn tánh không sinh, cùng không tuệ tương ứng nhau thì gọi là lý nhất tâm. Dùng kia nghiệm đây thì Nhất tâm cũng thế. Song trong Phẩm Phổ Môn không có hai chữ bất loạn. Ngài Trí Giả còn đem không tuệ để giải thích, ở đây nói nhất tâm bất loạn sao lại chê là tán thiện.

10. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Thực hành ba thứ nghiệp được vãng sinh Tây phương.

Người muốn sinh về cõi nước ấy phải tu ba thứ phước:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, thờ kính thầy tổ, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành.

2. Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả.

Ba thứ nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của các Đức Phật ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

**Thiên Thai Quán kinh sớ** nói rằng: Nghiệp thứ nhất của phàm phu, nghiệp thứ hai của hàng Nhị thừa, nghiệp thứ ba là của Đại thừa, có pháp chẳng chung (Bất cộng):

1. Kính trên nhường dưới, từ tâm tu mười điều lành đó, là chỉ hạnh thân trừ ba tà, miệng lìa bốn lỗi, ý dứt ba ác.

2. Giới tại gia cũng tức mười giới, các giới đầy đủ tức người xuất gia, tại gia thọ đủ các giới vi tế, không phạm oai nghi có ba ngàn oai

ngghi đều chẳng thiếu phạm.

3. Phát tâm Bồ-đề. Phát khởi ý thú gọi là phát tâm, Phật quả viên thông gọi là Bồ-đề. Đọc tụng kinh điển Đại thừa là nói về tu giải, còn Hạnh vận thông gọi đó là Thừa. Ngài Diệu Tông nói ba thứ nghiệp này, nếu ai được nghiệp trước thì chưa được nghiệp sau, còn ai được nghiệp sau thì sẽ gồm được nghiệp trước.

11. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Trước tu quán mặt Trời tướng về Tây phương.

Phật dạy bà Vi-đề-hy rằng: Bà và chúng sinh nên khởi niệm quán tướng ngôi xây mặt về hướng Tây mà quán nhất định mặt trời lặn, khiến tâm bền chắc, chuyên tưởng không dời đổi, thấy mặt trời sắp lặn như chiếc trống treo.

**Quán kinh Sơ** nói: Mặt trời sắp lặn như chiếc trống treo là cách đưa tư tưởng về Tây phương. Ngài Diệu Tông nói phép cột tâm là quán mặt trời lặn, tức muốn cho tư tưởng luôn nhất định hướng về Tây phương, là nơi ở của Phật A-di-đà thì lấy mặt trời lặn làm cảnh mà tưởng. Nay khởi quán thấy mặt trời tròn thì biết tâm năng tưởng vốn sẵn có tất cả y chánh. Ở đây lấy tâm vốn có mặt trời mà duyên với mặt trời tức tâm, khiến mặt trời tánh hiện ở trước, ở đây là lấy tâm pháp giới duyên với cảnh Pháp giới mà khởi lên mặt trời Pháp giới thì đều là Pháp giới, há chẳng phải tức không, giả, trung trụ chắc vào tâm này ư? Khi đã rõ ràng rồi thì việc quán mặt trời đã thành tựu.

12. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Y cứ vào tâm mà quán Phật thuộc pháp quán tượng thứ tám.

Kế đến tướng Phật, vì sao? Vì các Đức Phật Như Lai là thân pháp giới mà nhập vào tâm tướng của tất cả chúng sinh. Thế nên khi tâm các ông tướng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biển Chánh biến tri của các Đức Phật từ tâm tướng sinh ra. Thế nên phải nhất tâm giữ niệm quán kiên trì Đức Phật ấy.

**Quán kinh sơ** nói: “Từ các Đức Phật Như Lai” trở đi là nói chung về các Phật. Thế nên từ “phải nên” trở đi là quán riêng Di-đà. Thân Pháp giới tức là thân Pháp tánh của Báo Phật. Chúng sinh tâm Tịnh là Pháp Thân tự tại, nên nói là vào. Như mặt trời sáng giữa trời. Ảnh hiện trăm sông là nói thân Phật tự tại tùy vật mà hiện ra. Lại thân Pháp giới là thân Phật, không đâu chẳng khắp, lấy Pháp giới làm thể. Được Tam-muội Quán Phật này mà giải nhập tương ứng, cho nên nói là nhập vào tâm tướng. Tâm ấy làm Phật, Phật vốn là không, vì tâm tịnh cho



nên có. Tâm ấy là Phật, vừa rồi hỏi Phật vốn là không vì tâm tịnh cho nên có, bèn cho rằng như thế cho nên nói “tức là”, mới học thì gọi là làm, cuối cùng thành tựu thì gọi “Là”. Ngài Diệu Tông giải thích rằng: Muốn tướng thân Phật thì phải biết quán thể. Thể là bốn giác khởi thành, năng quán, bốn giác chính là thân pháp giới của các Đức Phật. Vì các Đức Phật không có chỗ chứng nào riêng khác mà hoàn toàn là chứng bản tánh của chúng sinh. Nếu thí giác có công phu thì bốn giác liền hiển bày, nên nói là Pháp thân từ tâm tướng sinh ra. Hơn nữa, Đức Phật Di-đà cùng tất cả các Đức Phật là một thân một trí, ứng dụng cũng thế. Tướng Di-đà hiển hiện tức là thân của các Đức Phật. Thân các Đức Phật sáng rõ tức là thể của Di-đà. Thế nên nói chung các Đức Phật để làm quán thể Di-đà. Từ “Thân Pháp giới” trở đi là nói về đạo cảm ứng giao nhau mà giải thích. Từ “Lại thân Pháp giới” trở đi là giải nhập tương ứng mà giải thích. Dung Tâm giải thích rằng: Nếu không có giải thích đầu thì quán không phải là quán Phật. Nếu không có giải thích sau thì chúng sinh và Phật thể khác nhau. Hai giải thích thành tựu cho nhau. Pháp quán này tâm ấy làm Phật, là nói tức tâm biến toàn tánh thành tu. Tâm ấy là Phật là ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Tâm đã hoàn toàn là tâm ấy. Tâm há thấy tâm. Như ngón tay không chạm dao thì không bị thương. Ban-chu gọi là Ngã Sở niệm tức thấy tâm làm Phật. Chẳng biết chỉ quán của tâm y cứ theo đây mà lập trung quán. Ban-chu và văn này đồng nhau. Như Lai sợ người chấp tướng quán Phật cho nên ở trước chân tượng bày việc quán thể. Khiến y theo Pháp này mà quán thân Phật. Diệu Tông lại nói: Nay quán tâm, không phải ở ngay nơi ấm mà quán Bốn tánh Phật, phải nhờ Phật khác mà hiển bày Bốn tánh, cho nên trước nói ứng Phật nhập vào tâm tướng ta, kế nói thân Phật hoàn toàn là Bốn giác, cho nên ứng Phật hiển rõ thì biết Bản tánh sáng, nghĩa nhờ bên ngoài mà thành thì quán Duy tâm được lập. Nếu luận “Làm” và “Là” tức là ba quán không thể nghĩ bàn. Nếu hoặc phá hoặc lập gọi là “Làm” thì tức là hai quán không và giả. Còn chẳng phá, chẳng lập gọi là “Là”, đó là quán Trung đạo. Toàn “là” mà “làm” thì ba đế đều phá, đều lập. Toàn “làm” mà “là” thì cả ba đế đều không phải phá, lập, tức là không giả của Trung. Gọi làm thì phá được ba hoặc thành được ba pháp, cho nên cảm ba thân viên ứng của Phật khác mà có thể thành tâm ta. Ba thân của hiện quả tức là Trung của không, giả. Gọi “là” thì toàn hoặc tức là trí, toàn chướng tức là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật, cho nên biết “làm” là một tâm. Tu ba quán này thì đó là tổng thể của mười sáu pháp quán. Diệu tông của một kinh thì

văn trích từ đây, nghĩa trùm khắp trước sau. Thế nên người tu phải thực hành ý này. Người tu nhân Tịnh độ chẳng thể không biết.

13. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Đủ ba thứ tâm liền được vãng sinh.

Nếu có chúng sinh nguyện sinh về nước ấy, thì phát ba tâm liền được vãng sinh. Ba tâm ấy là gì?

1. Tâm chí thành.
2. Tâm sâu xa.
3. Tâm phát nguyện hồi hướng.

Người có ba tâm này quyết định vãng sinh nước ấy.

**Quán kinh sơ** nói: Tâm chí thành, tức là nói chúng sinh thật hành. “Chí” là chuyên, “Thành” là thật. “Sâu xa” là quả Phật cao sâu, lấy tâm mà cầu, nên nói là tâm sâu xa. Cũng từ lý sâu mà sinh, cũng từ gốc lành vui sâu dày mà sinh. Nên kinh Thập địa có nói vào tâm sâu rộng. Kinh Niết-bàn nói: Gốc sâu khó nhỏ, nên nói là tâm sâu xa. Ngài Thiện Đạo giải thích rằng: Thân lễ bái Đức Phật ấy, miệng khen ngợi Đức Phật ấy, ý quán sát Đức Phật ấy. Vì ba nghiệp chân thật nên gọi là tâm chí thành. Vì tín tâm chân thật tin biết tự thân mình đầy đầy phiền não, phải trôi giạt trong ba cõi. Tin biết bốn nguyện Di-đà, xưng danh dù chỉ mười câu cho đến một niệm không có tâm nghi ngờ, nên gọi là tâm sâu xa. Phàm tu được tất cả gốc lành thấy đều hồi hướng nguyện cầu vãng sinh, nên gọi là tâm phát nguyện hồi hướng. Đủ ba tâm này chắc chắn được vãng sinh. Nếu thiếu một tâm thì chẳng được sinh.

14. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Công phu mười niệm thành tựu thì hạ phẩm hạ sinh

Về Hạ phẩm hạ sinh, gây ra nghiệp ác, như năm tội nghịch, mười điều ác, vì nghiệp ác thì phải đọa vào đường ác. Người ngu này khi sắp qua đời gặp được Thiện tri thức nói cho nghe pháp mầu, dạy niệm Phật. Người này bị khổ bức bách nên chẳng tỉnh táo mà niệm Phật. Có bạn lành bảo rằng: Nếu ông chẳng niệm được thì nên xưng danh Phật Vô Lượng Thọ. Như thế mà dốc lòng khiến cho từng tiếng không dứt, đầy đủ mười niệm, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Vì xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi qua đời thấy hoa sen vàng liền được vãng sinh.

**Quán Kinh Sơ** nói: Tâm lành nối nhau đến mười niệm hoặc một niệm thành tựu liền được vãng sinh. Vì niệm Phật diệt trừ tội chướng, nên lấy niệm Phật làm duyên tốt.

Hỏi: Vì sao chỉ với tâm lực trong một thời gian ngắn mà có thể

thắng được việc tạo ác của cả cuộc đời ư?

Đáp: Đại luận có nói tâm này tuy thời gian ít mà tâm lực rất mạnh mẽ nhanh chóng, tâm chắc chắn quyết đoán hơn cả nguyện lực trăm năm. Tâm ấy gọi là Đại tâm, vì bỏ thân là việc gấp, như người vào trận chẳng tiếc thân mạng gọi là người mạnh mẽ. Diệu Tông nói: Người này tuy gây ra nghiệp ác nhưng đã có tu quán, nên khiến cho khi sắp qua đời khuyên niệm với định tâm thì sẽ thành, cũng là người thừa gấp giới chậm. Dầu hiện đời không tu Tam-muội thì cũng là hạt giống đời trước nay đã chín. Cho nên trong luận Thập Nghi nói rằng: Khi sắp qua đời gặp được Thiện tri thức mà niệm được mười niệm thì đều do nghiệp lành đời trước rất mạnh mẽ nên mới gặp được tri thức. Giải thích như thế này thì mới hợp với nghĩa định thiện. Nếu người trước kia vốn chẳng tu Tam-muội thì thuộc tiền hồi, có nghĩa khinh trọng.

15. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Bà Vi-đề-hy và thị nữ đều được vãng sinh

Phật nói xong lời ấy, bà Vi-đề-hy và năm trăm cô gái hầu nghe lời Phật nói liền thấy Cực lạc thế giới, tâm rất vui mừng, được Vô sinh nhãn. Đức Thế Tôn thọ ký cho đều được vãng sinh.

**Quán kinh sơ hỏi:** Luận nói người nữ và căn thiếu không sinh còn kinh này nói bà Vi-đề-hy và năm trăm cô gái hầu đều được vãng sinh là sao? Đáp rằng: Luận nói người nữ và căn thiếu không sinh, là nói người sinh về nước ấy thì Tịnh căn lia dục không có thân nữ, các căn đều tinh vi, nên không có căn thiếu. Kinh nói mới sinh cho nên có tâm lành tất cả đều được vãng sinh. Luận Thập Nghi nói: Ở đó không có người nữ và không có người mù, điếc, câm, ngọng. Nhưng ở cõi này thì tất cả người nữ và những kẻ điếc, đui, câm, ngọng mà tâm niệm Di-đà thì đều được sinh về nước ấy.

16. Kinh A-di-đà: Do tâm nghi ngờ sẽ sinh ở biên giới của Tây phương.

Đức Phật nói người bậc trung tuy không bỏ nhà lia tục nhưng thọ trì kinh giới, lập đàn bố thí, thường tin lời Phật, muốn sinh về nước Phật ấy, người này khi chết sẽ thấy Phật A-di-đà, sẽ được sinh về cõi nước Phật ấy mà có được trí tuệ mạnh mẽ. Nếu người giữa chừng có tâm ăn năn hoặc nghi ngờ không tin, chỉ lập đàn bố thí, làm các điều lành được phước mà không tin vãng sinh về nước Phật Di-đà. Người này niệm nối nhau không dứt nhưng lúc tin lúc không, chẳng chuyên chú nhất định. Nhưng căn cứ vào các nguyện lành làm gốc cho nên cũng được vãng sinh. Nhưng người này chết rồi không được đến chỗ Phật A-di-đà. Tiện

đường thấy biên giới nước Phật A-di-đà trong thành toàn bảy báu nên tâm rất vui mừng bèn ngừng ở đây. Hóa sinh nơi hoa sen trong ao hoa bảy báu. Thành rộng mỗi bề hai ngàn dặm, vui sướng như cung trời Đao lợi nhưng không thấy Phật, chỉ thấy ánh sáng, tâm rất ăn năn, người này ở trong thành ấy năm trăm năm rồi mới được sinh đến chỗ Phật A-di-đà mà nghe pháp được ngộ.

17. Kinh Vô Lượng Thọ: Không hiểu trí Phật sẽ thọ sinh trong Thai cung.

Phật bảo ngài Từ Thị rằng: Người dân nước ấy (Cực lạc) có thai sinh, ông có thấy chăng?

Thưa: Con đã thấy ở trong thai sinh ấy như ở trong cung điện rộng một trăm do-tuần hoặc năm trăm do-tuần, đều ở trong ấy mà thọ hưởng sự vui sướng như cung trời Đao lợi. Ngài Từ Thị bạch Phật rằng: Do đâu mà người cõi nước ấy hóa sinh thai sinh?

**Phật bảo:** Nếu có chúng sinh tâm nghi ngờ, tu các công đức nguyện sinh về nước ấy mà không hiểu trí Phật, trí Bất tư nghi, trí Bất khả xưng, trí Đại thừa rộng lớn, Thắng trí Vô đẳng vô luân tối thượng... Đối với các trí ấy mà mê hoặc không tin. Song còn tin tội phước mà tu tập gốc lành, cầu sinh về nước ấy. Các chúng sinh này sinh vào cung điện ấy sống năm trăm năm, thường không thấy Phật, không nghe Pháp, không thấy Tăng. Thế nên gọi là thai sinh. Nếu có chúng sinh tin rõ trí Phật cho đến trí thù thắng, làm các công đức, tín tâm hồi hướng thì các chúng sinh này sẽ hóa sinh trong hoa sen bảy báu, ngồi kiết già, phút chốc thân tướng sáng suốt, trí tuệ công đức thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát. Nay Di-lặc, phải biết người hóa sinh ấy vì trí tuệ cao quý nên Phật nói người ấy, sau khi làm việc đó nếu trong tâm có ăn năn nghi ngờ, không tin làm lành đời sau được phước, không tin việc vãng sinh nước Phật, người này dù thế vẫn được vãng sinh. Người này khi qua đời, Phật A-di-đà liền khiến người ấy nằm mộng thấy nước Phật A-di-đà, tâm rất vui mừng tự nghĩ rằng ta ăn năn, không biết lợi ích làm các điều lành nay được vãng sinh. Người này chỉ nghĩ, miệng không nói được, liền tự hối lỗi, nghi ngờ giảm ít, ăn năn vô cùng. Người này khi chết liền sinh về nước Phật A-di-đà nhưng không đến trước, tiện đường thấy thành bảy báu rộng hai ngàn dặm, tâm rất vui mừng bèn nghỉ lại ở đấy. Ở trong ao bảy báu mà hóa sinh vào hoa sen, như cung trời Đao lợi thứ hai, sống trong thành ấy năm trăm năm, về sau được ra mới đến chỗ Phật A-di-đà. Người này nghe kinh nhưng tâm không hiểu, trí tuệ không sáng. Nhà cửa trên đất, không thể tùy ý khiến nhà cửa cao rộng ở trên

hư không. Lại cách Phật A-di-đà rất xa không thể gần được, cũng như hạng người nghi ngờ thứ hai. Người này lâu sau trí tuệ cũng được khai giải, hiểu kinh mạnh mẽ như hạng người thứ nhất. Vì sao? Vì đời trước khi cầu Đạo giữa chừng thì ăn năn, hồ nghi, chợt tin chợt không, không tin làm lành được phước đức, đều tự nhiên được như thế. Phải biết người sinh nghi ngờ bị mất lợi lớn. Thế nên phải sáng suốt tin tưởng vào trí tuệ vô thượng của các Đức Phật.

**Quán kinh số** có giải thích rằng: Trong pháp quán mặt trời dạy khiến chánh quán để trừ tâm nghi. Đại Bản nói với tâm nghi ngờ mà tu các công đức thì sẽ lạc vào biên địa (biên giới) lại chịu thai sinh, cho nên thực hành quán này để khiến dứt bỏ nghi ngờ. Diệu Tông nói: Kinh nói không hiểu trí Phật liền sinh nghi ngờ. Số nói: Cho nên thực hành pháp quán này khiến dứt bỏ nghi ngờ, nếu pháp quán này hiển sáng thì liền hiểu trí Phật. Nếu không dùng ba quán mà quán mặt trời lặn thì mê trí Phật. Quán mặt trời như thế mà các phép quán khác cũng như vậy. Cho nên biết Đại sư y vào trí Phật mà lập ra pháp quán này. Nếu phạm làm ít điều lành đến khi sắp qua đời mà hồi hướng trí Phật lại làm các điều ác, thì phải nương trí Phật mà cầu diệt hết các tội chướng. Đã có thừa chủng thì khi sinh về nước ấy sẽ nhanh mau được thấy Tam bảo, không sinh vào biên địa và thai cung.

18. Kinh Bồ-tát Xử Thai: Có tâm đắm nhiễm thì sinh vào nước Giải mạn.

Phật nói ở phương Tây cách cõi này mười hai ức na-do-tha, có cõi nước Giải mạn, vui sướng an ổn. Người muốn vãng sinh về nước Phật A-di-đà, thì phải qua nước này. Người nhiều đắm nhiễm liên nguyện sinh về nước ấy thì không được đến cõi Phật Di-đà. Nếu người thấy đây mà không tham, không đắm thì được vượt qua mà đến nước An lạc.

**Di-đà kinh sao** nói: Nước Giải mạn này tức kinh Vô Lượng Thọ gọi là Nghi thành. Phật sợ chúng sinh niệm Phật sinh nghi ngờ nên hiện ra nước này.

Hỏi: Đã nói là giải mạn sao lại vui sướng được?

Đáp: Đối với Cực lạc tức là giải mạn, còn đối với Ta-bà thì là vui sướng.

19. Kinh Bình Đẳng Giác: Thanh văn ở Tịnh độ tu hành chứng quả.

Cõi Phật vô lượng thanh tịnh. Các Bồ-tát, A-la-hán đều ở trong ấy mà hành đạo. Có người ở trên đất giảng kinh, tụng kinh, ngồi thiền, có người ở trên hư không mà giảng kinh, đi kinh hành. Trong đó ai chưa

chứng quả Tu-đã-hoàn thì chứng quả Tu-đà-hoàn, ai chưa chứng quả Tư-đà-hàm thì chứng quả Tư-đà-hàm, ai chưa chứng quả A-na-hàm thì chứng quả A-na-hàm, ai chưa chứng quả A-la-hán thì chứng quả A-la-hán, ai chưa được A-duy-việt trí thì được A-duy-việt trí không lui sụt. Ai nấy tự hành đạo đều rất vui mừng. Lại kinh A-di-đà nói đệ tử Đức Phật ấy đều là A-la-hán đông không xiết kể. Lại trong kinh Quán nói: Người trong ba bậc vãng sinh về nước ấy nghe pháp đều chứng quả A-la-hán.

**Trong luận Thập Nghi** chép: Cõi nước ấy không có người có tâm nhị thừa, thuần nhất là bạn lành Đại thừa thanh tịnh.

**Quán kinh số** hỏi: Theo luận Vãng Sinh thì hàng Nhị thừa không sinh, còn trong kinh Quán thì nói hàng Tiểu thừa được sinh là sao?

Đáp: Đúng ra thì hạnh Tiểu thừa không sinh, bởi do muốn phát triển hạt giống Đại thừa nên mới được sinh! Vì trước kia thường học Tiểu thừa đến đó nghe Khổ, Không, Vô thường mà phát sinh sự hiểu trước đây đã chứng Tiểu quả. Chứng Tiểu quả rồi thì không trụ ở Tiểu bèn vào Đại thừa. Diệu Tông chép: Do hồi tâm mà được sinh, do thói quen mà chứng Tiểu. Biết Đại thì chứng Tiểu sẽ cũng không chấp thiên chân, nên sau đó không lâu sẽ chứng Đại thừa.

20. Kinh Vô Lượng Thọ: Gây năm tội nghịch và chê bai chánh pháp thì không được vãng sinh.

Trong bốn mươi tám nguyện thì nguyện thứ mười tám nói: Nếu tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương dốc lòng tin ưa muốn sinh về nước tôi, dù cho chỉ niệm mười niệm, nếu không sinh thì tôi không thành Chánh giác, chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch và chê bai Chánh pháp. Lại quyển sau có nói: Những ai nghe danh hiệu Phật tin chắc vui mừng dù chỉ một niệm hồi hướng nguyện sinh thì liền được vãng sinh, chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch và hủy báng Chánh pháp.

**Quán kinh số** nói: Đại Bản nói: Năm tội nghịch và chê bai chánh pháp không được sinh. Còn kinh Quán này thì nói năm tội nghịch được sinh. Giải thích có hai nghĩa, nói về người tạo tội có thượng căn, hạ căn: Như thượng căn, ở đời theo phép Vua, phạm năm tội nghịch thì bị tội nặng, nếu có hối lỗi thì tội tiêu mỏng nên cho được sinh. Còn Hạ căn tạo tội phần nhiều không hối lỗi, nên không được sinh; hai là nói về hạnh, thì hạnh có định và tán. Quán Phật Tam-muội gọi là định. Tu các nghiệp lành khác gọi là tán. Sức tán thiện yếu không trừ được năm tội nghịch nên không được sinh. Đại Bản theo đây nên nói không sinh. Còn kinh này nói về quán nên được sinh.

21. Kinh Vô Lượng Thọ: Tướng tu nhân Vãng Sinh của ba bậc.



Phật nói chúng sinh trong mười phương nguyện sinh về nước ấy gồm có ba bậc: Bậc Thượng, là bỏ nhà, lìa dục làm Sa-môn, phát tâm Bồ-đề, một bề chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức và nguyện sinh về nước ấy. Người ấy khi chết thì Phật Vô Lượng Thọ cùng các đại chúng hiện ra trước mặt, người ấy liền theo Đức Phật kia mà sinh vào trong hoa bảy báu, an trụ không lui sụt, trí tuệ mạnh mẽ, thần thông tự tại. Bậc Trung: Dốc lòng nguyện sinh về nước ấy, tuy chẳng làm Sa-môn nhưng tu công đức lớn, phát tâm Bồ-đề Vô thượng, lúc nào cũng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu điều lành nhiều ít, vâng giữ trai giới, xây tạo tháp tượng, cúng dường Sa-môn... Các thứ ấy đều hồi hướng nguyện sinh nước ấy. Người này khi sắp qua đời, Phật Vô Lượng Thọ sẽ hóa hiện thân cùng các đại chúng hiện ra trước mặt. Người ấy liền theo Hóa Phật vãng sinh về nước ấy, an trụ vị không lui sụt, công đức trí tuệ đứng sau bậc Thượng. Bậc Hạ: Dốc lòng muốn sinh về nước ấy. Giả sử không làm các công đức nhưng phải phát tâm Bồ-đề Vô thượng, chuyên ý một mực cho đến chỉ mười niệm. Nếu nghe pháp sâu vui mừng tin ưa, không sinh nghi ngờ cho đến một niệm luôn nghĩ về Đức Phật ấy, người này khi sắp qua đời mộng thấy Đức Phật ấy, cũng được vãng sinh. Công đức trí tuệ kế sau bậc Trung.

**Quán kinh số** nói rằng: Chín phẩm của kinh Quán là khiến cho biết giai vị thượng, trung, hạ, tức là ba bậc của Đại Bản, Lô Sơn San Chánh Ký chép: Ba bậc của Đại Bản chỉ bằng sáu phẩm của kinh Quán. Vì ba bậc ấy thuần nói về hạnh lành không có người ác. Ngài Linh Chi bảo ba phẩm của Đại Bản đều có phát tâm có thể so với bậc Thượng của kinh Quán, còn hai bậc Trung và Hạ thì không so sánh được. Hướng là việc tạo nhân sau đây hoàn toàn khác. Phụ Chánh giải rằng: Ngài Thiên Thai dùng chín Phẩm của kinh này xem đồng với ba bậc của Đại Bản. Bèn y cứ vào đại vị cao, thấp, kia, đây, đồng nhau mà hiểu, chứ không y cứ theo tướng của hạnh nhân phát tâm để hiểu ba phẩm.

22. Kinh Vô Lượng Thọ: So sánh sự tu thiện khác nhau giữa hai cõi.

**Phật nói:** Người đời sau gặp được lời Phật, kinh Phật nói nên suy nghĩ chín chắn. Ở trong đó mà giữ tâm hạnh ngay thẳng, chủ trương làm lành và hóa độ kẻ thấp kém khiến ai nấy tự giữ gìn, gieo trồng gốc đức, thi ân bố đức, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, chánh tâm chánh ý, trai giới thanh tịnh, một ngày một đêm hơn ở cõi Phật Vô Lượng Thọ làm lành trăm năm. Vì sao? Vì cõi Phật ấy vô vi tự nhiên, đều làm các điều lành, không có mảy may điều ác. Ở cõi này mà tu điều lành mười

ngày mười đêm thì hơn ở cõi nước khác của các Đức Phật làm lành một ngàn năm. Vì cõi nước của các Đức Phật ở phương khác người làm lành thì nhiều, kẻ làm ác thì ít. Cho nên chỉ ở cõi này nhiều người ác mà không có tự nhiên, thân tâm khốn nhọc, ăn khổ uống độc. Ta thương xót các ông nên hết lòng khuyên dạy, các ông nên gắng sức tu điều lành.

23. Kinh Vô Lượng Thọ: Nhiều chúng Bồ-tát Vãng sinh Tịnh độ

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: Ở thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát không lui sụt vãng sinh Cực lạc? Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bồ-tát không lui sụt vãng sinh cõi nước ấy. Mỗi Bồ-tát đã từng cúng dường vô số các Đức Phật thứ tự như Di-lặc. Các Bồ-tát tiểu hạnh và những người tu tập ít công đức sinh về đó thì đông không kể hết. Lại chẳng phải chỉ các Bồ-tát ở cõi ta vãng sinh mà ở các cõi Phật phương khác như cõi Phật Viễn Chiếu có một trăm tám mươi ức Bồ-tát đã vãng sinh cho đến không chỉ mười bốn cõi Phật có các Bồ-tát vãng sinh, mà ở thế giới mười phương có vô lượng cõi Phật, người vãng sinh đông vô số. Nếu kể đủ một kiếp cũng không hết được. Nay chỉ nói sơ lược.

24. Kinh Vô Lượng Thọ: Khi Pháp diệt, lưu lại kinh này một trăm năm để độ người.

Nếu có người nghe kinh này thì đối với Đạo Vô thượng sẽ không lui sụt. Thế nên phải chuyên tâm nói và làm. Ta nói kinh pháp này khiến thấy Phật Vô Lượng Thọ và cõi nước của ngài. Nếu ai có thắc mắc gì nên thưa hỏi, không được, sau khi ta diệt độ rồi lại sinh nghi ngờ. Ở đời vị lai khi các kinh sách đã diệt hết rồi thì ta thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này trong một trăm năm, để có chúng sinh nào gặp kinh này thì tùy ý cầu nguyện sẽ đều được độ. Trong đó nếu có người không tin việc đọc tụng, xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà lại chê bai, hủy báng thì trong năm kiếp bị đọa địa ngục chịu đủ các khổ.

25. Kinh Vô Lượng Thọ: Khuyên mọi người tinh tấn gắng sức cầu sinh.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Các trời, người ở cõi nước Phật Vô Lượng Thọ rất vi diệu, an vui thanh tịnh. Người ở cõi này sao không cố gắng làm lành, niệm đạo tự nhiên, không đả trước trên dưới, thông đạt không bờ mé. Ai nấy đều nên tinh tấn gắng sức tự cầu thì sẽ được vượt lên mà vãng sinh nước An lạc, dứt hết năm đường ác, nẻo ác tự nhiên đóng bít. Đạo rất dễ đến mà không có người. Nước ấy chẳng có trái nghịch, đến được tự nhiên. Sao không bỏ việc đời mà siêng năng cầu Đạo đức; có thể được thì sống rất lâu, vui vẻ vô cùng cực.



26. Kinh Vô Lượng Thọ: Phật Vô lượng Thọ ánh sáng chiếu khắp

Phật bảo A-nan: Phật Vô Lượng Thọ có ánh sáng oai thần cao quý bậc nhất. Ánh sáng của các Đức Phật khác đều không sánh bằng. Có Phật ánh sáng chiếu trăm cõi Phật, hoặc chiếu ngàn thế giới Phật. Nói tóm lại là chiếu về phương Đông hằng hà sa cõi Phật. Các phương Nam, Tây, Bắc và bốn góc, trên, dưới, cũng giống như thế. Hoặc có ánh sáng Phật chiếu xa bảy thước, hoặc chiếu xa một do-tuần, hoặc gấp bội như thế cho đến chiếu xa cả một cõi Phật. Thế nên, Phật Vô Lượng Thọ còn gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang... Nếu chúng sinh nào gặp được ánh sáng này thì ba cấu tiêu trừ, thân ý nhu hòa vui vẻ, thiện tâm sinh lớn. Nếu ở trong ba đường dữ mà thấy ánh sáng này thì không bị các khổ não, chết rồi đều được giải thoát.

27. Kinh Vô Lượng Thọ: Bát bấu ăn uống tự nhiên đầy đủ.

Ở cõi nước Phật ấy, những người vãng sinh nơi ở, cung điện, y phục, đồ dùng quý báu đều tự nhiên hiện ra, như các bát vàng, bạc, lưu ly... tùy ý hiện ra, đủ cả trăm vị ăn uống tự nhiên đầy đủ. Tuy có ăn mà như không ăn, chỉ thấy sắc nghe hương, ý cho là ăn, tự nhiên no đủ. Thân tâm nhu hòa không hề mê đắm. Việc ăn uống xong liền biến mất đến giờ khắc thì hiện ra. Kinh Bình Đẳng Giác và kinh Đại A-di-đà đều nói Phật A-di-đà, Bồ-tát, A-la-hán đều tự nhiên có bát bấu báu, trong bát đủ cả trăm vị, thức ăn ở thế gian hoặc trên trời và cả tám phương trên, dưới, thức ăn tinh vi, hương vị không gì sánh được, tự nhiên hóa sinh. Muốn ăn liền có không nhiều không ít, cũng chẳng nói ngon dở, ăn xong liền biến mất, sạch sẽ thanh tịnh, không đắm nhiễm việc ăn uống, vì chỉ dùng làm khí lực mà thôi. Luận Vãng Sinh nói: Ưu thích vị Phật pháp, Thiền Tam-muội làm thức ăn.

*An dưỡng Ký* chép: Trước nói thật không có ăn uống. kể hai kinh cho là dùng làm khí lực nên ăn. Y cứ theo cõi Dục thì chưa bỏ cách ăn từng phần (đoàn thực), nên cần phải ăn. Theo ngài Mãn Nguyên tử thành Phật có thức ăn bằng Pháp hỷ, Thiền duyệt thì không tưởng thức ăn khác, vậy ở Tịnh độ cũng không thật có ăn. Nên biết ở cõi ấy trăm vị và bốn thứ vi diệu đều tùy ý mà có đủ, ăn và không ăn cũng là một, cách nói của hai kinh tùy lúc mà hiểu.

28. Kinh Hoa Nghiêm: So sánh sự dài ngắn của ngày đêm ở hai cõi

*Trong phẩm Thọ Lượng, Bồ-tát Tâm Vương nói:* Một kiếp ở cõi

Phật Thích-ca thuộc thế giới Ta-bà này bằng một ngày một đêm ở Cực lạc Thế giới cõi Phật A-di-đà. Một kiếp ở thế giới Cực lạc bằng một ngày một đêm ở cõi Phật Kim Cang Kiên thuộc thế giới Ca-sa Tràng. Lần lượt như thế qua trăm muôn A-tăng-kỳ thế giới thì một kiếp ở thế giới sau cũng bằng một ngày một đêm ở thế giới Thắng liên hoa thuộc cõi Phật Hiền Thắng. Lại kinh A-di-đà nói cõi Phật ấy sáu thời trong một ngày đêm.

Trong Di-đà Thông Tán, ngài Từ Ân nói: Tịnh độ ngày đêm đều có sáu thời.

Hỏi: Người ở Tịnh độ dứt bật vô minh, cõi nước ấy không có sáng tối, sao lại nói có ngày đêm?

Đáp: Hoa nở ao vàng hóa sinh là trời sáng. Chim ngủ rừng ngọc, Bồ-tát khởi tưởng là đêm. Tráp Xuyên tân sơ chép: Phải biết sáu thời là ngày ba, đêm ba. Chúng sinh nước ấy thân có ánh sáng, không có núi Tu-di nên không có mặt trời mọc lặn mà chia ngày đêm. Như Thích Thiêm nói các vị trời lấy hoa nở hoa khép mà biểu thị ngày đêm, thì thuyết của Từ Ân có lẽ đúng. Kinh này mượn giờ khắc ở cõi này mà chia thời gian. Như việc kinh Hoa Nghiêm nói Tây phương có sáu thời thì không thể dùng thời gian giờ Dần, giờ Mẹo mà tính thời gian dài ngắn. Có chỗ chẳng theo thuyết của ngài Từ Ân vì không có chứng cứ. Nên tôi xem kinh Bi Hoa nói về thế giới của Tôn Phật Liên Hoa rằng: Phật ấy thường có ánh sáng, lấy hoa khép chim đậu Bồ-tát vào định thì biết là đêm. Nếu gió thổi, hoa bay, chim hót Bồ-tát xuất định thì biết là ngày.

29. Kinh Văn-thù Thuyết Bát-nhã: Tu Nhất hạnh Tam-muội chuyên xưng danh hiệu Phật.

Ngài Văn-thù nói: Vì sao gọi là Nhất hạnh Tam-muội? Phật nói Pháp giới nhất tướng hệ duyên với Pháp giới đó gọi là Nhất hạnh Tam-muội. Muốn vào Nhất hạnh Tam-muội phải ở chỗ vắng vẻ bỏ các loạn ý, chẳng chấp hình tướng nào, giữ tâm vào một Đức Phật, chuyên xưng niệm danh hiệu. Tùy theo chỗ Phật mà ngồi thẳng hướng về, niệm niệm nối nhau. Tức là trong một niệm thấy đủ các Đức Phật quá khứ, hiện tại.

Vì sao? Vì công đức niệm một Đức Phật cũng bằng công đức niệm các Đức Phật, không khác nhau, đều thành Nhưt như, thành tối Chánh giác.

*Thiên Thai Chỉ Quán* nói: Thường tọa Tam-muội xuất xứ từ kinh Văn-thù Thuyết Văn-thù Vấn, gọi là Nhất hạnh Tam-muội lấy chín

mười ngày làm một hạn kỳ, ngồi kiết già hưởng về một Phật trong thời gian nối nhau. Nếu ngồi lâu mỗi một hoặc bị bệnh tật gây khổ, hoặc buồn ngủ, nội ngoại chướng xâm phạm... thì phải chuyên niệm một danh hiệu Phật mà hổ thẹn, sám hối, thân mạng tự quy với công đức chánh đẳng của danh hiệu các Đức Phật mười phương. Phụ hành thích rằng: Tùy theo chỗ một Đức Phật là theo phương hướng của Phật ấy là hướng Tây. Nếu chỉ rõ Phương hướng của Đức Phật ấy, thì tùy kinh không hạn cục, nhưng khiến hướng Tây mà chuyên xưng niệm một danh hiệu Phật vì các phần Giáo nhiều đều khen Phật A-di-đà, nên lấy phương Tây làm chuẩn, cùng các Đức Phật mười phương mà giải nghi, e có người nghi vì sao chỉ khen niệm Phật Di-đà, cho nên giải thích là vì công đức đồng nhau.

### 30. Kinh Ban-chu: Tu Tam-muội Phật lập chuyên niệm Di-đà

Phật nói: Vì sao các Đức Phật hiện tại đều trước hết lập ra Tam-muội? Vì có bốn chúng giữ giới cùng ở riêng một chỗ chú tâm niệm Phật A-di-đà Tây phương. Hiện cách đây ngàn ức muôn cõi Phật, nước ấy tên là Tu-ma-đề, ở giữa chúng Bồ-tát mà nói kinh tất cả thường niệm Đức Phật ấy. Ví như trong mộng thấy thân thuộc Kim Bảo cùng vui đùa, thức dậy liền nói: Nếu ai niệm Phật ấy một ngày đêm hoặc qua bảy ngày đêm thì Phật A-di-đà khi thức không thấy chỉ thấy trong mộng. Khi tâm niệm Phật thì cõi nước của các Đức Phật, chỗ núi Tu-di to lớn sâu kín tối tăm đều mở toang ra. Không cần thần túc mà vẫn đến được cõi Phật ở nay, ngồi thấy Phật ấy, nghe kinh Đức Phật ấy nói. Ví như nước Xá-vệ có ba dâm nữ. Lúc ấy, ở nước La-duyệt có ba người nam, vốn không hề nghe thấy việc dâm, ý liền vọng động mộng thấy cùng ba nàng đến lầu ngủ đêm mà giao tình. Rõ ràng là do niệm, nên thấy Phật, sinh thường niệm thân Phật có ba mươi hai tướng tốt, đoan chánh không ai sánh được. Nhờ niệm Phật mà được Không Tam-muội: Lại như trong mộng thấy ăn thức ăn ngon, thức dậy thì bụng đói. Tự nghĩ tất cả đều là mộng. Phật ở trong Tam-muội có lập ba việc là giữ gìn năng lực oai thần của Phật, giữ gìn năng lực Tam-muội của Phật, giữ gìn năng lực của bốn công đức. Vì giữ gìn ba thứ này nên được thấy Phật, nghĩ rằng Phật từ đâu đến rồi đi về đâu? Tự nghĩ Phật không đến đây ta cũng không đến đó. Ta niệm Phật tức là thấy tâm làm Phật, Tâm tự thấy tâm là tâm Phật, là Hằng-tát-a-kiệt, tâm là thân ta, tâm thấy tâm Phật chẳng biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Tâm có tướng là si, tâm vô tướng là Nê-hoàn, là pháp không đáng ưa thích, đều nhớ việc đã làm, dù cho niệm là trống không. Lại có bốn việc mau được Tam-muội. Một

là không được có tư tưởng thế gian, như cái búng móng tay trong ba tháng, hai là không được nằm ngoài ba tháng, như cái búng ngón tay, ba là đi kinh hành không được ngưng nghỉ, không được ngồi ba tháng, trừ khi ăn uống trước sau, bốn là nói kinh cho người nghe không được trông mong y phục ăn uống. Năng lực oai thần của Phật trong Tam-muội mà lập ra, nhìn về hướng Đông có trăm ngàn Phật, trăm muôn Phật, trăm ức Phật. Như thế mười phương đều thấy các Đức Phật.

Chỉ Quán nói: Tam-muội thường hành xuất xứ từ kinh Ban-chu. Ban-chu dịch là Phật lập. Phật lập có ba nghĩa (như kinh). Nếu Tam-muội này thành thì có thể ở trong Định mà thấy các Đức Phật hiện ra trước mắt. Tam-muội này có ba: Một là thân khai già. Thân khai thì thường hành tránh ác tri thức, thường ở riêng một chỗ, thường đi khất thực, không nhận lời thỉnh riêng, luôn trang hoàng đạo tràng. Tắm rửa thân thể, thay đổi y phục. Chỉ trong vòng chín mươi ngày làm hạn định. Cần thệ nguyện dẫu gân xương khô mục thì việc học Tam-muội này vẫn không ngưng nghỉ, hai là miệng nói nín: Trong chín mươi ngày miệng thường xưng danh hiệu Phật A-di-đà không ngưng nghỉ. Chín mươi ngày tâm thường niệm Phật A-di-đà không ngưng nghỉ, hoặc trước xưng sau niệm nối nhau mãi không ngưng nghỉ. Lúc đó, nếu xưng danh hiệu Phật A-di-đà tức là xưng danh hiệu Các Đức Phật mười phương, công đức đều bằng nhau. Nếu chỉ chuyên niệm Di-đà làm Pháp môn thì nói vẫn tất là từng bước, từng tiếng, từng niệm chỉ là Phật A-di-đà. Ba là Ý chỉ quán. Trong ba tháng thường niệm Phật A-di-đà, tưởng ba mươi hai tướng tốt, từ tướng bánh xe ngàn căm dưới lòng bàn chân tướng ngược lên cho đến tướng Vô kiến đánh, rồi từ đánh quán tướng ngược xuống lòng bàn chân khiến cho tướng rành các tướng ấy. Lại nghĩ ta từ tâm mà được Phật, từ thân mà được Phật. Phật chẳng dùng tâm mà được, cũng chẳng dùng thân mà được. Chẳng dùng tâm mà được sắc Phật, chẳng dùng sắc mà được tâm Phật. Bậc trí giả hiểu rõ vốn không bị hư hoại, vốn tuyệt bất ngọn ngành (không). Như trong mộng thấy bảy báu, thức rồi thì không biết nó ở đâu. Cũng như dâm nữ đêm nằm mộng thấy hành dâm thức rồi thì nhớ lại không đến không đi, việc vui rõ ràng. Lại như nằm mộng thấy ăn thức ngon, thức rồi thì bụng đói. Tự nghĩ tất cả các pháp đều như mộng, gọi đó là như tướng niệm (giả). Tự nghĩ Phật không từ đâu đến, ta cũng không đến đâu. Ta niệm tức thấy tâm làm Phật. Tâm tự thấy Tâm, tâm thấy Phật tâm là tâm Phật, tâm ta thấy Phật, tâm chẳng tự biết tâm, tâm chẳng tự thấy tâm. Tâm có tướng là si tâm, không tướng là Nê-hoàn, là pháp không thể chỉ bày, đều do niệm

làm ra. Nếu có niệm cũng rõ ràng không thật có (Trung). Nếu người muốn được trí tuệ, như biển lớn, ngồi ở đó mà không vận thần thông đều thấy các Đức Phật đang tu Tam-muội ấy. Tam-muội ấy là bậc nhất trong các công đức. Tam-muội này là cha mẹ của Đức Phật. Tất cả Như Lai đều từ pháp ấy sinh ra. Phụ Hành giải thích rằng: Ý trong Chỉ Quán, trước tướng ba mươi hai tướng tốt làm cảnh để quán. Lại nghĩ nay ta trong cảnh sáng rõ mà tu ba quán. Trong các câu ta niệm, chữ Phật thì một là tự tâm Tam-muội được thấy Phật, hai là Tây phương từ nhân cảm quả. Phật nay có hai nghĩa, cùng thuộc một cảnh là thuận lý. Từ nghĩa đầu mà giải thích, Tam-muội đã thành thì hề niệm liền thấy. Thấy tâm tánh ấy gọi là tâm làm Phật. Phật đã do tâm làm, cho nên khi thấy Phật thì gọi là thấy tự tâm. Nếu thấy tự tâm tức liền thấy tâm Phật. Vì tâm Phật ấy là tâm ta. Cho nên ý trong đây chỉ quán tự tâm và việc thấy Phật không ngoài pháp tánh. Cho nên thấy tâm Phật tức là thấy tâm mình. Tâm mình, tâm Phật tức là Trung đạo. Tứ Minh Dung Tâm giải thích rằng: Chỉ Quán phán văn Ban-chu rằng tâm và Phật không thể đều là Không. Việc mộng rõ ràng là giả, tâm chẳng thấy Tâm là Trung. Nói thì ba tướng rõ ràng, tu thì một niệm đầy đủ.

31. Kinh Phương Đẳng Đại Tập: Tu Tam-muội Phật Lập,  
- Pháp quán Trung Đạo.

Phật bảo ngài Hiền Hộ: Nếu muốn thành tựu Tam-muội của các Đức Phật hiện tiền thì hề lúc nào niệm liền thấy Như Lai. Như lấy dầu trong, nước sạch, thủy tinh, gương sáng, dùng bốn vật này mà quán hình tượng, thiện, ác, tốt, xấu ảnh hiện rõ ràng, mà các hình tượng ấy không từ bốn vật ra, cũng không phải chỗ khác đến, chẳng phải tự nhiên có, chẳng phải do người làm. Nên biết hình tượng ấy không từ đâu đến, không đi về đâu, không sinh không diệt, không có chỗ ở. Bồ-tát cũng giống như thế. Liền lại suy nghĩ nay Phật này từ đâu đến còn thân ta thì từ đâu ra. Xem Như Lai kia rốt không có chỗ đến, không có chỗ đi. Thân ta cũng giống như thế, vốn không có chỗ đi há có chỗ về. Lại suy nghĩ như thế, nay đây ba cõi chỉ do tâm mà có, vì sao? Vì tùy theo tâm niệm lại tự thấy tâm. Nay ta từ tâm thấy Phật, tâm ta là Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta là Như Lai, Tâm ta là thân ta, tâm ta thấy Phật, tâm không biết tâm, tâm không thấy tâm. Tâm có tướng niệm thì thành tâm sinh tử, tâm vô tướng niệm liền là Niết-bàn. Chỗ suy nghĩ đã mất, năng tướng cũng không. Nên biết Bồ-tát nhờ Tam-muội này mà chứng Đại Bồ-đề.

Kinh này và kinh Ban-chu ở trước cùng bản Phạm nhưng khác tên người dịch. Trong đây nói về pháp quán trung đạo văn rất sáng rõ nên

ở đây chép lại.

32. Kinh Hoa Nghiêm: Trưởng giả Giải Thoát được pháp môn Duy tâm niệm Phật.

Ông Trưởng giả nói: Nay người thiện nam! Nếu ta muốn thấy thế giới An lạc của Như Lai Vô Lượng Thọ thì tùy ý liền thấy. Cũng như thế ở mười phương tất cả các thế giới nào có Như Lai, nếu ta muốn thấy thì tùy ý liền thấy. Ta có thể thấy rõ tất cả cõi nước của các Như Lai trang nghiêm thần thông... Các việc không từ đâu lại cũng không đi về đâu, không đi không ở. Vậy các Như Lai ấy không lại đây mà ta cũng không đến đó. Nên biết tất cả Phật và tâm ta đều như mộng. Cho nên biết việc thấy trong mộng từ phân biệt mà sinh ra thấy, tất cả Phật đều từ tâm khởi lên. Lại biết tâm mình như nước ở trong bình, ngộ giải các pháp như bóng in đáy nước. Lại biết tâm mình cũng như ảo thuật. Biết tất cả Phật như ảo thuật tạo ra. Lại biết tâm mình cùng các Đức Phật, Bồ-tát đều như âm thanh vang. Ví như hang trống tùy tiếng mà có tiếng vang, mà hiểu rõ tâm mình tùy niệm thấy Phật. Ta như thế mà biết, mà nghĩ nhớ, thấy các Đức Phật đều do tâm mình.

Trong Trình Nguyên sơ, ngài Thanh Lương nói: Không từ đâu đến... là luận về Duy tâm, tức tâm, vô tâm liền vào Chân như, hiểu rõ tướng luồng đối chỉ do tâm hiện. Vì ta tức là duy tâm vắng lặng, mà đã rõ nó tức là diệu dụng của thể, năng niệm, sở niệm đâu có tương can với động tịnh, đã rõ duy tâm, rõ tâm là Phật nên hễ niệm đều là Phật. Hướng là chí chẳng bị quấy nhiễu, chuyên tinh tu tập, Phật sẽ ắt thành. Sao không thấy sau đây nêu bốn dụ, hiển bày chung về duy tâm. Dụ cho không tới lui dụ riêng gồm nói chẳng ra vào, bốn dụ đều có bốn quán:

1. Chính là duy tâm.
2. Vì duy tâm nên không.
3. Vì duy tâm nên giả.
4. Vì duy tâm nên trung.

Dung nhau mà không ngại tức là ý của kinh Hoa Nghiêm: Mộng dụ cho chẳng tới chẳng lui, ảnh (hình bóng) dụ cho chẳng ra chẳng vào, Huyền dụ cho chẳng phải có chẳng phải không. Tiếng vang dụ cho chẳng phải hợp chẳng phải tan, ba quán cùng xua đuổi, lấy tánh dung tướng thì nhập vào lớp lớp, cảnh giới niệm Phật để thấy được Đức Vân.

33. Kinh Hoa Nghiêm: Nương vào Nguyệt Phổ Hiền được sinh Cực lạc

Trong phẩm Hạnh Nguyệt, Bồ-tát Phổ Hiền ở cuối hội tại rừng

Thê-đa phát mười đại nguyện vương. Trong mỗi nguyện đều nói: Cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, mà đại nguyện này của tôi không cùng tận. Người ấy khi sắp qua đời, ở sát-na sau cùng, tất cả các căn đều không còn tác dụng, tất cả oai thế đều tan mất, các quan lớn, đại thần, cung điện trong ngoài, voi ngựa xe cộ, kho tàng châu báu không đem theo được. Chỉ có nguyện vương này thì không lìa xa, trong mọi lúc đều dẫn trước, trong một sát-na liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Đến rồi liền thấy Phật A-di-đà. Người này tự thấy sinh trong hoa sen được Phật thọ ký. Được thọ ký rồi, trải qua vô số kiếp ở số thế giới khắp mười phương nhiều không thể nói, dùng năng lực trí tuệ tùy tâm chúng sinh mà làm lợi ích. Cho đến ở trong biển lớn phiền não mà cứu giúp chúng sinh, đưa họ ra khỏi đó mà đều được vãng sinh thế giới Cực lạc. Lại kể dưới có nói: Nguyện con khi sắp qua đời diệt trừ hết cả các chướng ngại, được thấy Phật A-di-đà liền được vãng sinh cõi An lạc. Khi con đã sinh nước ấy rồi, hiện tiền thành tựu nguyện lớn này, tất cả dứt hết không còn sót, lợi lạc tất cả các chúng sinh.

Trình Nguyên sơ hỏi: Chẳng cầu sinh Hoa Tạng lại cầu sinh Cực lạc là sao?

Đáp: Có bốn ý:

1. Người có duyên.
2. Muốn khiến chúng sinh cùng về một chỗ.
3. Vì chẳng lìa Hoa Tạng.
4. Vì Bổn sư.

Hạnh Nguyên Sao nói:

1. Về người có duyên, vì Phật Di-đà có nguyện riêng dắt người ở cõi Ta-bà.

2. Cùng về một chỗ, vì nếu nghe mười phương đều nhiệm mầu, kia đây cùng dung thông thì người mới phát tâm thấy mênh mông, không biết nương vào đâu, nên phương tiện nêu ra.

3. Không lìa Hoa Tạng, vì Cực lạc cách đây chỉ mười muôn ức cõi Phật. Trong Hoa Tạng có bao nhiêu cõi Phật đều là số bụi nhỏ nên không lìa Hoa Tạng.

4. Tức là Bổn sư. Như kinh thứ ba mươi chín nói: Hoặc thấy Phật Vô Lượng Thọ, Quán Tự Tại... cùng vây quanh. Sở phán rằng: Khen đức của Bổn tôn Giá-na. Sở lại nói cõi nước Hoa Tạng nhiều như số giọt nước biển đều là cảnh Giá-na. Vô Lượng Thọ Phật, cách đây mười muôn ức cõi cũng chưa ra khỏi sát chũng, há chẳng phải là Bổn sư tùy tên mà giáo hóa khác.



Pháp sư Đạo Thuần nói: Hỏi Phổ Hiền Hạnh Nguyên là phần lưu thông Hoa Nghiêm vì sao ở trong biển thế giới lại riêng chỉ thế giới Cực lạc. Đã tin hiểu Viên tông thì các cõi Phật mười phương đều có thể vãng sinh, kết hện về Tây phương ắt có ý sâu?

Đáp: Ngài Phổ Hiền vì Thiện Tài hải chúng mà nói nguyện vãng sinh đã kết quy Tây phương. Bởi người tin hiểu Viên tông, vào trí Văn-thù mà tu hạnh Phổ Hiền, thì phước, tuệ, sự, lý đều xứng với pháp giới. Người có đại tâm này tuy diệu ngộ Bản minh, đốn đồng với các Thánh, nhưng còn lực dụng chưa đầy đủ, chưa bằng Như Lai khi xuất hiện khắp lợi ích chúng sinh. Do đó mà phải tạm nương Tịnh độ, gần gũi Di-đà hải chúng, thẳng đến thành Phật. Nên kinh nói: Đích thân thấy Như Lai Vô Lượng Quang, hiện tiền thọ ký con quả Bồ-đề. Được Như Lai thọ ký rồi liền hóa ra vô số thân hằng trăm câu-chi, trí lực rộng lớn khắp mười phương, lợi lạc khắp tất cả cõi chúng sinh. Tức là ý này vậy.

34. Kinh Pháp Hoa: Nghe kinh tu hành liền vãng sinh thế giới An lạc.

Phật nói nếu có người nữ nghe kinh điển này đúng như lời nói mà tu hành, thì khi qua đời liền sinh về thế giới An lạc. Phật A-di-đà và các Đại Bồ-tát vây quanh, người ấy được sinh trong hoa sen ngồi trên tòa báu, không còn bị tham dục quấy nhiễu, cũng không bị tức giận ngu si, kiêu mạn, ganh ghét và các cấu làm phiền não nữa. Được thần thông Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

*Trong Pháp Hoa ký*, ngài Kinh Khê nói: Nếu có người nữ... Trong đây chỉ nói: nghe kinh điển ấy, đúng lời nói tu hành tức là nhân Tịnh độ, không cần nêu kinh Quán... nữa.

Hỏi: Tu hành như thế nào?

Đáp: Đã nói đúng theo lời nói mà tu hành tức là y kinh mà lập hạnh, đầy đủ như trong phẩm Phân Biệt Công Đức mà quán thẳng bốn cõi này đầy đủ. Cho nên thân Phật đây tức là cả ba thân, đại chúng này là tất cả đại chúng. Vì hoặc chưa dứt hết cho nên An lạc hạnh là khí phần của hạnh Đồng cư Tịnh độ, không lìa Đồng cư uế mà vẫn thấy Đồng cư tịnh.

Hỏi: Đồng cư có nhiều loại sao chỉ nói Cực lạc?

Đáp: Do giáo thuyết nhiều, do trình độ của người, vì nhiếp sinh, vì khiến chuyên chú, vì duyên trước sâu dày... nên có nhiều phần.

35. Kinh Đại Bảo Tích: Phát mười thứ tâm được sinh Cực lạc

Ngài Di-lặc bạch Phật rằng: Như Phật đã nói về Phật A-di-đà ở Thế giới Cực lạc có công đức lợi ích... Nếu có chúng sinh nào phát mười



thứ tâm, tùy theo từng tâm một mà chuyên hướng về Phật thì người ấy khi qua đời sẽ được vãng sinh. Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là mười thứ tâm. Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Mười tâm ấy, hàng phàm ngu bất thiện, hạng trượng phu còn nhiều phiền não không thể phát được.

Mười tâm ấy là:

1. Đối với các chúng sinh khởi tâm đại Từ, không làm tổn hại.
2. Đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi, không có khổ não.
3. Tâm đối với Chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, có tâm ưa thích giữ gìn.
4. Đối với tất cả các pháp khởi tâm thẳng nhẵn không chấp đắm.
5. Tâm không ham lợi dưỡng luôn cung kính tôn trọng và ưa thích sự thanh tịnh.
6. Cầu hạt giống trí của Phật trong mọi lúc không quên mất.
7. Đối với các chúng sinh luôn khởi tâm cung kính tôn trọng không coi thường.
8. Không ham luận đời, đối với Bồ-đề sinh tâm quyết định.
9. Khởi tâm thanh tịnh trồng các gốc lành không có tạp nhiễm.
10. Khởi tâm tùy niệm, đối với các Như Lai lìa bỏ các tướng, khởi niệm tùy thuận.

Đó gọi là Bồ-tát phát mười thứ tâm. Nhờ các tâm ấy mà được vãng sinh. Nếu người nào đối với các tâm này mà có bất cứ một tâm nào, ưa thích vãng sinh về thế giới Phật ấy nếu chẳng được sinh thì không có lý ấy.

36. Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh: Ta-bà vẫn đực, riêng khen Tây phương.

Bồ-tát Phổ Quảng bạch Phật rằng: Vì sao trong kinh chỉ khen ngợi cõi Phật A-di-đà lâu các, cung điện, cây rừng đều toàn bảo báu. Các người nguyện sinh đều tùy ý muốn theo niệm mà sinh về. Phật bảo Phổ Quảng rằng: Ông không hiểu ý ta. Người ở cõi Ta-bà có nhiều tham đắm. Kẻ tin tưởng hướng về thì ít mà kẻ quen muốn thói tà thì nhiều, không tin Chánh pháp, chẳng thể chuyên nhất. Khiến các chúng sinh chuyên tâm vào đó, nên chỉ khen ngợi cõi nước Phật ấy. Các người vãng sinh đều tùy nguyện của họ mà đều chứng quả.

37. Kinh Đại Tập Nhật Tạng: Niệm Phật tùy tâm thấy có lớn nhỏ

Phật nói: Muốn sinh cõi Phật thanh tịnh không có chướng ngại thì chúng sinh này phải tắm gội sạch sẽ, áo quần sạch sẽ, ăn chay trường không ăn đồ tanh nồng, ở chỗ yên tịnh vắng lặng ngồi kiết già, hoặc đi kinh hành nghĩ nhớ thân tướng Phật, không có các duyên khác. Hoặc

một ngày đêm, hoặc bảy ngày đêm, dốc lòng niệm Phật, cho đến thấy Phật. Niệm nhỏ thấy nhỏ, niệm lớn thấy lớn, cho đến vô lượng niệm thì thấy Sắc thân Phật vô lượng, vô biên. Thân Phật có ba mươi hai tướng, mỗi tướng vừa niệm vừa quán đều cho rõ ràng. Tùy theo tướng trông thấy mà thấy ánh sáng xanh. Ở trong tướng sáng ấy chuyên tinh buộc ý, tâm không loạn động. Ánh sáng ấy phát ra, vào đánh cửa người tu. Lúc ấy, an tâm chớ sợ sệt. Nghĩ ánh sáng xanh này ở trong thân ta đi khắp các nơi, thấy thân cháy sáng rực lên cho đến thành tro, gió thổi biến mất. Khi niệm như thế không có một tướng nào, mười phương đều trống không. Như thế người tu có thể trong một khoảnh khắc liền đến cõi Phật và vô số cõi khác.

Kinh này nói niệm Phật tuy không nhất định chỉ cho Tây phương, nhưng trộm thấy trong phương pháp niệm Phật, ngài Từ Vân sám chủ có dẫn chứng về ý nghĩa niệm Phật lớn nhỏ, nên chép vào đây để nhiều người cùng xem mà biết đầu cuối của kinh.

38. Kinh Mục-liên Sở Vấn: Cõi nước Vô lượng thọ dễ đến, dễ nhiếp lấy.

Phật bảo ngài Mục-liên: Ví như trên sông dài muôn dặm có đám cỏ khô trôi nổi, trước chẳng thấy sau, sau chẳng thấy trước, đều chảy ra biển cả. Thế gian cũng thế. Tuy có kẻ giàu sang vui sướng tự tại nhưng đều không tránh khỏi sinh, già, bệnh, chết, chỉ do không tin kinh Phật đời sau làm người rất khổ, chẳng thể được sinh về cõi nước của ngàn Phật. Thế nên ta nói nước cõi Vô lượng thọ dễ sinh, dễ nhiếp lấy, mà người chẳng thể tu hành vãng sinh, lại thờ chín mươi sáu phái tà đạo. Ta bảo người ấy là người không mắt không tai.

39. Kinh Thập Vãng Sinh: Người niệm Phật được Bồ-tát che chở, giữ gìn.

**Phật nói:** Nếu có chúng sinh niệm Phật A-di-đà nguyện vãng sinh thì Đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ-tát che chở giữ gìn người tu, hoặc đi đứng nằm ngồi, hoặc ngày hay đêm, bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào đều chẳng để ác quỷ ác thần có dịp làm hại.

40. Kinh Quán Phật Tam-muội: Phật thọ ký ngài Văn-thù sẽ vãng sinh Cực lạc

Ngài Văn-thù bạch Phật rằng: con nhớ thuở quá khứ thời Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, có vị Trưởng giả tên là Nhất thiết trí. Trưởng giả có người con tên là Giới Hộ. Khi ở trong thai mẹ vì kính tín nên dự bị vì con mà thọ ba quy y. Khi đưa bé sinh ra mới tám tuổi đã được gặp Phật và đánh lễ. Vì một lần thấy Phật trừ được tội trong trăm

ngàn muôn ức kiếp sinh tử. Từ đó về sau thường sinh Tịnh độ được trăm ngàn ức pháp môn Tam-muội niệm Phật. Cho nên, nay Đức Thế Tôn lại thọ ký rằng: Văn-thù-sư-lợi! Ông sẽ vãng sinh về thế giới Cực lạc, chứng nhập vào Sơ địa.

41. Kinh Văn-thù Phát Nguyện: Văn-thù phát nguyện cầu sinh Cực lạc.

*Nguyện khi tôi qua đời  
Diệt hết các chướng ngại  
Được thấy A-di-đà  
Vãng sinh nước An lạc  
Sinh nước Phật ấy rồi  
Tròn đủ các nguyện lớn  
A-di-đà Như Lai  
Hiện tiền thọ ký con  
Nghiêm Tịnh Hạnh Phổ Hiền  
Đầy đủ nguyện Văn-thù  
Đến hết kiếp vị lai  
Rốt ráo hạnh Bồ-tát.*

42. Kinh Nhập Lăng-già: Phật thọ ký cho ngài Long Thọ vãng sinh Cực lạc.

*Đại Tuệ ông nên biết!  
Khi Phật Niết-bàn rồi  
Đời vị lai sẽ có  
Người trì pháp của ta.  
Ở nước Nam Thiên trúc  
Tỳ-kheo Đại Danh Đức  
Có hiệu là Long Thọ  
Phá được tông Hữu, Vô  
Ở thế gian hiển bày  
Pháp Đại thừa Vô thượng  
Được Sơ Địa hoan hỷ  
Vãng sinh nước An lạc.*

Kinh Lăng-già có ba bản, bài kệ này xuất xứ từ quyển bảy, do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch, ở hòm chữ Tứ.

43. Kinh Thiện Tín Ma Thân: Thiện Tín nhằm chán thân nữ cầu sinh Tịnh độ.

Khi Phật ở nước Xá-vệ có cô con gái trưởng giả tên là Thiện Tín, trí tuệ rộng sáng, thường có nguyện lớn, không thích đời tục. Tự nghĩ

muôn vật vô thường rồi đều sẽ chết, trời đất cũng hư hoại, huống là thân người. Nghĩ cha mẹ anh em ta không biết tội phước, không thỏa mãn tham dục. Tuổi ta mười lăm đã hứa gả cho người khác anh em nhà ta đã nhận quà biếu vải lụa. Thân ta rồi sẽ gặp các khổ nạn, chẳng bằng ngày nay thanh tịnh, nên phát nguyện cao thượng tìm thấy nơi an ổn vui vẻ mãi để tự vui thú. Bèn nhất tâm đem thân mạng ra thề. Lúc đó, Thiên Đế hiện ra trên hư không bảo Thiện Tín rằng: Nếu muốn sinh về cõi thanh tịnh Tây phương an ổn, thì trước phải hướng về mười phương lễ bái, từ tâm kính ý thì sẽ đạt được như ý. Cô gái rất vui mừng bèn tắm rửa đốt hương hướng về mười phương lễ bái. Trời lại bảo rằng: Người nên đọc bài kệ khen ngợi Phật A-di-đà. Thiện Tín liền y theo lời dạy. Thiên Đế bèn hóa thành một người nam tay cầm vàng ròng nói kệ trừu ghẹo, Thiện Tín đáp bằng bài kệ quở trách lỗi nam nữ. Thiên Đế bèn vòng tay hỏi muốn cầu việc gì mà trong đời không ai bằng, có công đức mệnh mông không thể đếm kể như thế? Thiện Tín vui mừng, mặt đất rung chuyển, liền nói kệ quy Phật. Phật liền cùng Đại chúng bay đến nhà ấy. Thiện Tín lễ Phật. Phật liền phát ra ánh sáng mỉm cười trao cho hai mươi bốn giới. Thiện Tín nghe xong liền được Thất Trụ. Rồi ở trước Phật mà hóa thành người nam. Cha mẹ anh em nàng sau đó đều thọ năm giới.

44. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Xem tình tưởng nhiều ít, mà luận về quả báo cao thấp.

Phật bảo A-nan rằng: Tất cả thế gian sinh tử nối nhau. Sinh từ thuận tập, tử từ biến lưu. Khi qua đời chưa bỏ hơi ấm thì cả thiện, ác trong một đời đều hiện ra. Nếu lúc đó thuần tưởng thì liền sinh lên cõi trời. Nếu tâm lúc ấy có phước gồm cả tuệ và tịnh nguyện thì tự nhiên tâm mở sáng sẽ thấy các Đức Phật mười phương, tất cả Tịnh độ đều tùy nguyện vãng sinh. Nếu tình ít tưởng nhiều thì nhẹ nhàng bay đi xa, tức là loài tiên biết bay; tình tưởng bằng nhau thì không bay không rơi, bèn sinh làm người, Tướng sáng thì thông minh. Tình tối thì dẫn độn. Nếu tình nhiều tưởng ít thì vào chỗ bàng sinh, nặng thì làm thú, nhẹ thì làm chim. Nếu bảy phần tình ba phần tưởng thì chìm xuống đáy nước, sinh vào vòng lửa chịu thân nóng dữ, làm ngựa quỷ luôn bị thiêu đốt, mà nước luôn hại mình, không ăn không uống, trải suốt trăm nghìn kiếp. Nếu chín phần tình một tưởng thì rơi vào vòng lửa, nhẹ thì đọa ngục Hữu gián, nặng thì đọa ngục Vô gián. Nếu thuần là tình thì đọa vào ngục A-tỳ. Nếu trong tâm hủy báng Đại thừa, trái phạm giới Phật, lừa dối nói pháp, ham hố lạm dụng của tín thí, khinh khi mọi người, gây ra năm tội

ngịch, mười điều ác thì liền đọa vào ngục A-tỳ ở khắp mười phương.

45. Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ: Thiện, ác chiêu cảm quả báo hơn kém khi qua đời.

Phật nói nếu người lúc qua đời dự biết trước mà chánh niệm rõ ràng, tắm gội, thay áo mới nằm kiết tường mà chết. Ánh sáng chiếu thân, thấy tướng tốt của Phật, các điều lành đều hiện thì chắc chắn biết người này vãng sinh Tịnh độ. Nếu người niệm Phật giữ giới không tinh tấn, khi qua đời không có tướng lành, tướng dữ hiện ra, địa phủ không thấu, An dưỡng không nhiếp, như đang ngủ mê. Vì người này tâm Nghi chưa dứt, nên sinh vào Nghi thành suốt năm trăm năm hưởng vui, lại tu Tín Nguyện thì mới về Tịnh độ. Nếu người khởi tâm thương xót Chánh niệm hiện tiền, tâm đối với tiền của, vợ con không mến tiếc, mắt nhìn sắc thanh tịnh, ngược mặt mỉm cười, nghĩ cung trời sẽ đón ta, tai nghe nhạc trời, mắt thấy Thiên đồng, bỏ báo thân này chắc chắn sinh lên cõi trời. Nếu người sống ở đời hòa ái, khởi tâm phước đức, thân không bệnh khổ, nhớ nghĩ cha mẹ vợ con nhưng tâm đối với Thiện, ác không lầm lẫn. Tâm luôn ngay thẳng di chúc gia tài từ biệt ra đi thì chắc chắn sinh vào cõi người. Nếu người đối với vợ chồng con cái mà nhìn bằng ánh mắt dữ dằn, tay quờ quạng, tiểu tiện không biết, thân luôn hôi hám, hai mắt đỏ chạch, ngồi ngáy mặt hoặc nằm co quắp bên trái khắp người đau nhức. Hoặc thấy tướng dữ, miệng không nói được chữ ú ở, nợ oan hiện ra, tâm thức tán loạn, mê cuồng điên đảo. Khắp mình lạnh giá, tay nắm chặt cứng, thân cứng như đá. Người này qua đời chắc chắn đọa vào địa ngục, Nếu người ưa liếm mép, thân nóng như lửa luôn lo sợ đói khát, thích nói chuyện ăn uống, miệng không khép kín, ham tiếc tiền của, mạng chết khó khăn, nhìn trừng trừng mà mất. Người này chắc chắn đọa vào ngạ quỷ. Nếu bị bệnh nặng như ở giữa mù sương, tâm thần hôn tán, sợ nghe danh hiệu Phật, thích ăn uống cá thịt, không nghe lời khuyên bảo, mến tiếc vợ con, tay chân co quắp, khắp mình mồ hôi rít rấm, tiếng nói phều phào. Tướng ấy hiện ra thì người này chắc chắn đọa vào súc sinh.

#### IV. Nói Về Các Thân Chú

1. Vô Lượng Thọ tu Quán hạnh cúng dường nghi quỹ.

(Xuất xứ từ Đại tạng, hòm chữ Hành).

Bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Thủ ở trong Đại Tập Hội Tỳ-lô-giá-na bạch Phật rằng: Con sẽ vì chúng sinh đời sau ở trong thế giới tạp nhiễm, ác thú mà nói Vô Lượng Thọ Đà-la-ni, tu pháp môn Tam Mật, chứng

Tam-muội niệm Phật mà được sinh Tịnh độ, vào giai vị Bồ-tát. Không thể lấy phương tiện chút ít phước đức, vô tuệ mà được sinh về nước ấy. Y theo giáo pháp này thì chắc chắn được sinh Thượng phẩm Sơ địa.

Trước hết phải vào Mạn-trà-la được Quán đảnh, rồi sau đó mới theo thầy mà thọ nghi quỹ này. Phải ở chỗ đất cao tốt, quét dọn sạch sẽ tịnh thất, lập đàn vuông, phía trên treo lọng báu chung quanh treo phướn. Trên đàn phân bố tám Mạn-trà-la, mài hương bạch đàn thoa lên chỗ Phật. Ở phía Tây đàn bày tượng Phật Vô Lượng Thọ. Người trì tụng đứng ở phương Đông, quay mặt về hướng Tây, ngồi trước tượng. Người tu mỗi ngày tắm gội sạch sẽ lên đàn ba lần rải các thứ hoa, đặt hai chén báu đựng đầy nước thơm ở trên đàn. Bốn góc đàn chưng bốn bình hoa, hương hoa và thức ăn uống tùy sức, mỗi thứ gia trì đều ân cần cúng dường. Người tu quan sát tất cả hữu tình có bốn tánh thanh tịnh nhưng bị các khách trần che lấp nên chẳng ngộ chân lý. Thế nên nói Tam Mật gia trì này có công năng giúp mình người đều thanh tịnh.

Quyển Nghi Phạm trên do Tam tạng Bất Không dịch. Từ văn này lại nêu Tịnh ba nghiệp và lễ khắp pháp giới, lập tòa quán tưởng và kiết ấn tụng chú, gồm hai mươi bốn chương, đều rất khẩn thiết nguyện y pháp vân làm. Nay trong đây ghi chép những điều đơn giản có thể thực hành được, gồm ba chương giúp nhiều về Tịnh nghiệp.

## 2. Vô Lượng Thọ Như Lai quyền ấn chân ngôn.

Kế là kiết ấn Như Lai Quyền, bốn ngón tay trái nắm lại thành quyền duỗi ngón cái ra. Lấy tay phải làm nắm Kim cương nắm ngón tay trái lại, liền thành ấn này. Dùng quyền ấn này đọc chân ngôn gia trì bảy biến, biến ra thế giới ấy Như Lai quyền chân ngôn như sau: Ấn Bộ Khiêm. Do kiết ấn này mà oai lực của chân ngôn biến đại thiên thế giới này thành cõi Cực lạc, bảy báu làm đất, nước, chim, cây rừng đều giảng nói Pháp âm, vô lượng trang nghiêm như kinh đã nói. Người tu do tập nhiều định này nên mỗi khi ở trong định đều thấy thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ, ở trong chúng hội nghe nói Khế kinh. Khi qua đời tâm không tán loạn, Tam-muội hiện tiền, trong chốc lát liền hóa sinh vào hoa sen báu, chứng giai vị Bồ-tát.

## 3. Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn Chân Ngôn

Kế là kiết ấn Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản, hai tay nắm lại chìa bốn ngón giữa như cánh hoa sen - Kết ấn này tụng Vô Lượng Thọ chân ngôn bảy biến. Đặt ấn này trên đỉnh đầu tụng Đà-la-ni rằng: Năng-mô la đất nắng dạ da na mô a rị dã nhị tri bà da đạt tha nghiệt tri dạ ra hát đế tam miệu tam một đà da đất nể dã tha án a mật lật đế a mật

lật đổ nạp bà phê a mật lật đa tam bà phê a mật lật nghiệt bệ a mật lật đa tất đế a mật lật đa đế tế a mật lật đa vĩ ngật lân đế a mật lật đa nga nga nẳng kiết đế ca a mật lật đa nộn nổ tỳ ba phước tát phước ra tha bà đà ninh tát phước ma ngật lễ xá khát lệ dựng ca ta-phước-hạ.

Chân ngôn này vừa tụng một biến thì mười điều ác, bốn tội trọng, năm tội Vô gián, tất cả nghiệp chướng nơi thân đều tiêu tan. Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni phạm tội căn bản tụng bảy biến thì tức thời được thanh tịnh. Tụng đủ một muôn biến thì được không quên mất tâm Bồ-đề Tam-muội, tâm Bồ-tát hiển bày, trong thân sạch sẽ sáng suốt như vầng trăng sáng. Khi qua đời sẽ thấy Phật Vô Lượng Thọ cùng đại chúng đến đón rước khuyến tấn, liền sinh về Cực lạc Thượng phẩm thượng sinh.

#### 4. Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn.

Chú ấy như sau: Án a mật lật đa đế tế hạ ra hồng, chân ngôn này nếu tụng đủ mười muôn biến thì được thấy A-di-đà Như Lai. Khi qua đời chắc chắn quyết định được vãng sinh Cực lạc.

#### 5. Kinh Ô-sắt-nị-sa Tối Thắng Tổng Trì.

(Xuất xứ từ ở Đại tạng, hòm chữ Cao).

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Phật ngự trong Đại Thiện Pháp đường ở cõi nước Cực lạc. Lúc bấy giờ Đức Như Lai Vô Lượng Thọ bảo ngài Quán Tự Tại rằng: tất cả chúng sinh đều bệnh tật đời sống ngắn ngủi. Có “Nhất thiết Như Lai Ô-sắt-nị-sa tối thắng tổng trì pháp môn”, nếu người nào thọ trì đọc tụng thì mau được không bệnh tật, sống lâu, an vui. Khi ấy Quán Tự Tại thỉnh Phật tuyên nói (chú dài ở đây không chép). Nếu ai viết chép chú này để trong tháp, rộng lớn cúng dường, đi nhiều quanh ngàn vòng, cung kính lễ bái thì được trí tuệ, nếu tuổi thọ bảy ngày thì kéo dài đến bảy năm, nếu tuổi thọ bảy năm thì kéo dài đến bảy mươi năm, được sống lâu an vui, không có các bệnh tật, được Túc mạng thông.

#### 6. Vô Lượng Thọ Như Lai Tổng Trì Pháp Môn.

Lúc bấy giờ Vô Lượng Thọ Như Lai nhập vào Tam-ma-địa phổ chiếu kiết tường. Khi xuất định, ngài liền nói nhất thiết Như Lai Vô Lượng Thọ tổng trì pháp môn rằng: Án a mật rị đế a mật rị đế a mật rị đồ nại bà phê a mật rị đa vĩ ngật lan đế a mật rị đa nga di nể a mật rị đa rị na nhĩ nga nga nẳng kế rị đế yết rị tát rị phước kiết lễ xá xoa diển yết rị duệ Ta-phước-hạ.

Nếu người dùng pháp môn này mà gia trì, xây tháp Tịnh độ, lại viết tổng trì này mà đặt vào tháp và hương hoa cúng dường thì tuổi thọ kéo dài và tăng trí tuệ. Nếu người ở trước tháp này mà cúng dường lớn



hơn, ngày ngày tụng trì đủ tám trăm biến, phát tâm bình đẳng tự lợi lợi tha. Y pháp thực hành như thế thì tiêu trừ tám nạn. Người này khi qua đời sẽ không đọa vào địa ngục, súc sinh, cõi Diêm-ma-la, như rắn lột da liền sinh Cực lạc, được quả báo lớn, hưởng vui thắng diệu.

7. Bất Không Quyên sách Thần Biến Chân Ngôn kinh Nhất Tự Chân Ngôn

Bồ-tát Quán Thế Âm nói chân ngôn Nhất Tự rằng: Án, chân ngôn như thế là đại Bi Tâm Quán Quán Thế Âm đúng pháp thọ trì. Người khéo tu hành thì có công năng dứt trừ các tội nặng ở quá khứ và hiện tại, tất cả cấu chướng đều tiêu mất. Sẽ được tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, trời, tiên, rồng thần đều vui mừng. Khi qua đời sẽ sinh về cõi nước Cực lạc ở Tây phương, trụ ở Cực hỷ Địa, hóa sinh vào hoa sen.

8. Bạc Biến Giải Thoát Tâm chân ngôn.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm ở trước Phật xem kỹ tất cả, nói Bạc Biến Giải Thoát Tâm chân ngôn rằng... bài chú này gồm hai trăm mười hai câu, vì nhiều nên không chép (Ba chú sau đây ở trong kinh có đủ các việc Kết đàn, bắt ấn, lập tượng... gồm một quyển).

Lại, Bạc Biến Giải Thoát Tâm chân ngôn rằng:

Úm một ra kha ma phế lệ đà ra đà ra đà ra địa rị địa rị độ lỗ độ lỗ sai mạn đan nhập phước ra mẫu khứ sa phước ha.

Lại, Bạc Biến Giải Thoát Tâm Nhất Tự chân ngôn rằng: Án ác sa phước hạ.

Nếu ai sáu thời càng thêm tinh tấn, đúng pháp trang nghiêm thân mình, y theo pháp trì tụng đủ một Lạc-xoa thì nghiệp ấy thuần thực. Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân màu vàng ròng mà diệt tất cả tội căn bản từ vô thủy. Nếu Bồ-tát không hiện ra thì cần phải càng cố gắng tinh tấn tụng hết hai hoặc ba lạc xoa thì nghiệp ấy thuần thực, Bồ-tát Quán Thế Âm chắc chắn sẽ hiện thân, cầm tay chỉ bày Tây phương Tịnh độ, Phật A-di-đà ngồi trên tòa sư tử trong hoa sen báu, lại được Phật A-di-đà xoa đầu bảo rằng: đồng phước mạng công đức với tất cả Bồ-tát ở cõi ấy. Sau khi bỏ thân mạng này thì sinh về cõi nước An lạc ở Tây phương, hoa sen thượng phẩm, đủ các tướng tốt, có trí Túc mạng, được không lui sụt.

9. Bất không Đại Quán Đảnh Quang chân ngôn.

(Xuất xứ kinh ở Bất Không Quyên Sách Thần Biến thứ hai mươi tám, ở hòm chữ Khiết).

Khi ấy, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai duỗi tay xoa đầu Minh Vương Thanh Tịnh Liên Hoa. Lúc đó, cả đại thiên thế giới rung chuyển sáu cách, ở các phương cõi nước quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả Như



Lai, Tỳ-lô-giá-na Như Lai cùng một lúc đều hiện ra và đồng trao cho Minh Vương Thanh Tịnh Liên Hoa Tam-muội-da quán đảnh. Bấy giờ, tất cả Như Lai, Tỳ-lô-giá-na Như Lai trong ba đời ở khắp mười phương đều duỗi tay xoa đầu Minh Vương Thanh Tịnh Liên Hoa, đồng nói Bất Không Đại Quán Đảnh Quang chân ngôn rằng: Úm chiêm mô già phế lỗ giả na ma ha mầu nại ra ma ni bát đầu ma nhập phước ra ba ra mật đan dã cấp.

Nếu có người ở quá khứ gây ra các tội như mười điều ác, bốn tội nghịch, bốn tội trọng mà được nghe Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn này hai mươi một biến thì được trừ hết tất cả tội chướng. Nếu các chúng sinh gây ra đủ các tội như mười điều ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng... nhiều như bụi nhỏ đầy khắp thế giới này khi chết rồi phải đọa vào các đường dữ. Nếu lấy cát mà gia trì chân ngôn này một trăm lẻ tám biến rồi đem cát này vào rừng rải trên cây chết, hoặc hài cốt, hoặc trên mộ, trên tháp thì người chết này nếu đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, Tu-la, súc sinh thì nhờ năng lực gia trì của chân ngôn Nhất Thiết Bất Không Như Lai Tỳ-lô-giá-na Như Lai mà tức thời liền được ánh sáng chiếu đến thân, trừ hết các tội báo, lìa hết các khổ, sẽ sinh về thế giới Cực lạc Tây phương, hóa sinh trong hoa sen, cho đến chứng quả Bồ-đề không còn đọa lạc.

Ông Thích Trí Viên, trụ Viện Phổ Chiếu ở Hải giám, thuộc Tú Châu mẹ bị chết, lấy di cốt để trong cái quách nhỏ, hằng ngày tụng chú Tỳ-lô Quán Đảnh, gia trì rải cát lấp hài cốt khoảng một thước. Một hôm, xương đảnh đầu bỗng nhô lên khỏi mặt đất, lúc đầu cho là chẳng có gì bèn lấp lại như cũ. Sáng hôm sau lại như thế, mọi người đều kinh hãi. Lúc đó Võ Di Công Quyền làm ký nói rõ việc ấy. Luật Sư Đại Trí soạn làm bài tán khen ngợi, vẫn còn ghi trong Chi Viên tập.

10. Chú bặt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đặc sinh Tịnh độ.

(Trích trong Di-đà Bất Tư Nghị Thần Lực truyện, hòm chữ Dường).

Thần chú Bặt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đặc Sinh Tịnh độ, vào niên hiệu Nguyên Gia, đời Tống, ngài Cầu-na-bạt-đà vâng lệnh vua dịch ra, gồm có năm mươi chín chữ mười lăm câu. Nếu người nào, tụng chú này thì Phật A-di-đà thường ở trên đỉnh đầu ngày đêm che chở người ấy, không bị kẻ thù trả thù, hiện đời luôn được an ổn, khi chết liền được vãng sinh. Bồ-tát Long Thọ nguyện sinh An dưỡng, khi nằm mộng cảm được chú này. Tam tạng Na-xá tụng chú này ở chùa Thiên bình, Pháp sư Tú được Na-xá truyền miệng cho chú này bảo rằng: Kinh

Bản ở nước ngoài (Ấn-độ) không truyền đến, nếu muốn thọ trì phải tước cành dương rửa răng cho sạch, lấy nước đậu súc miệng, đốt hương trước tượng Phật, quỳ gối chấp tay thọ trì sáu thời, mỗi lần tụng hai mươi một biến. Nếu có các tội như bốn tội trọng, năm tội nghịch, mười điều ác, chê bai kinh Đại thừa... thì đều diệt hết. Hiện đời có mong cầu gì đều được, chẳng bị các thần quỷ dữ quấy phá. Nếu tụng đủ hai mươi muôn biến thì liền cảm được mầm Bồ-đề phát sinh. Tụng đến ba mươi muôn biến liền được thấy Phật A-di-đà.

Nam-mô a di đa bà dạ đa tha dà đa dạ đa địa dạ tha a di rị đô bà tì a di rị đa tất đam ba tỳ a di rị đa tỳ ca lan đế a di rị đa tỳ ca lan đa dà di nị dà dà na chỉ đa ca lệ ta bà ha.

Chú này có sáu chữ “Đa”, trong tạng kinh vốn chú âm “Đa hát thiết (Đát)” đây là chánh gọi. Văn Long Thư sợ người đọc không đúng âm này bèn đổi chữ “Thiện” thành “Xuyết”, đổi văn chú này, người đời chẳng chịu. Có hai chữ “Tha” đều là “Thấu qua thiết”, chữ “Đa” đều “Đô Ngạ Thiết”, chữ “Địa” là “Trường mãi thiết”, chữ “Rị” là thượng thanh, cùng “Lý” đồng âm, “Chỉ” đọc là “Chỉ”.

Người tu tụng trì chú này nếu không khớp với mười lăm câu trên thì không đúng bản chánh. Muốn hiệu nghiệm nên đọc theo câu trên.

## V. Nói về các luận

### 1. Luận Vô Lượng Thọ:

Kệ vãng sinh và Pháp tu năm môn.

*Thế Tôn, con nhất tâm  
Quy mạng khắp mười phương  
Vô Lượng Quang Như Lai  
Nguyện sinh nước An dưỡng  
Thấy tướng thế giới ấy  
Vượt hơn cả ba cõi  
Rốt ráo, như hư không  
Rộng lớn không bờ mé  
Đức Chánh Giác Di-đà  
Pháp vương khéo trụ trì  
Các tịnh hoa Như Lai  
Hóa sinh hoa Chánh giác  
Ưu thích vị Phật pháp  
Tam-muội là thức ăn  
Lìa hẳn não thân tâm*

*Được vui thường vô gián  
Gốc lành cõi Đại thừa  
Bình đẳng không ghét ganh  
Người nữ và căn thiếu  
Giống Nhị thừa chẳng sinh  
Điều chúng sinh ưa thích  
Thấy đều được thỏa mãn  
Nên con nguyện vãng sinh  
Cõi nước Phật Di-đà  
Ta soạn luận nói kệ  
Nguyện thấy Phật Di-đà  
Khắp cùng các chúng sinh  
Đều sinh nước An lạc.*

Nếu người tu hành năm niệ m môn này thành tựu thì cuối cùng sẽ được sinh về nước An lạc được thấy Phật A-di-đà.

1. Lễ bái môn: Thân nghiệp lễ bái Phật A-di-đà là chủ ý muốn sinh nước ấy.

2. Tán thán môn: khẩu nghiệp khen ngợi ánh sáng trí tướng Phật ấy, là muốn như thật tu hành tương ứng.

3. Tác nguyện môn: Tâm thường phát nguyện nhất tâm chuyên niệ m rất ráo vãng sinh, muốn như thật tu hành Xa-ma-tha.

4. Quán sát môn: Là dùng trí tuệ mà quán sát, muốn như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na.

a. Quán sát cõi nước ấy trang nghiêm.

b. Quán sát Đức Phật ấy trang nghiêm.

c. Quán sát các Bồ-tát ấy trang nghiêm.

5. Hồi hướng môn, có bao nhiêu công đức gốc lành, dùng phương tiện mà hồi hướng che chở chúng sinh, không bỏ tất cả thế gian.

Lại, quán sát môn ba thứ trang nghiêm lược nói vào một câu Pháp gọi là câu thanh tịnh, chân thật trí tuệ vô vi pháp thân. Cho nên Bồ-tát như thế mà tu năm môn, tự lợi lợi tha mau được thành tựu Bồ-đề.

2. Luận Tỳ-bà-sa.

Niệ m Phật là phương pháp dễ thực hành (của Bồ-tát Long Thọ).

Phần thứ tư nói: Phật Pháp có vô lượng pháp môn. Như đường đi ở thế gian có dễ có khó. Đường đất đi bộ thì khổ, đường thủy ngồi thuyền thì khỏe. Đạo Bồ-tát cũng thế. Khó đi thì lâu mới đến, hoặc có người siêng năng tinh tấn lấy tín làm phương tiện. Dễ đi thì mau đến, nên phải niệ m Phật, xưng danh hiệu, Phật A-di-đà có bốn nguyện như thế. Nếu

người nào xưng niệm danh hiệu ta mong trở về với ta thì chắc chắn được A-nậu Bồ-đề. Thế nên thường phải nhớ niệm, kệ rằng:

*Nếu người nguyện thành Phật  
 Tâm luôn niệm Di-đà  
 Tức thời liền hiện thân  
 Thế nên con quy mạng  
 Nếu người muốn mau đến  
 Địa vị không lui sụt  
 Nên dùng tâm cung kính  
 Chấp trì, xưng danh hiệu  
 Phật ấy có bản nguyện  
 Các Bồ-tát mười phương  
 Đến cúng dường nghe pháp  
 Thế nên con đánh lễ.  
 Các Bồ-tát cõi ấy  
 Đầy đủ các tướng tốt  
 Cùng tự trang nghiêm thân  
 Nay con quy mạng lễ  
 Các Đại Bồ-tát ấy  
 Hằng ngày đều ba thời  
 Cúng dường Phật mười phương  
 Thế nên con kính lễ  
 Nếu người gieo thiện căn  
 Nghi thì hoa không nở  
 Người Tín tâm thanh tịnh  
 Hoa nở liền thấy Phật  
 Phật hiện tại mười phương  
 Dùng các thứ nhân duyên  
 Khen công đức Phật ấy  
 Nay con quy mạng lễ  
 Nước ấy đủ trang nghiêm  
 Khác xa các cung trời  
 Công đức rất sâu dày  
 Thế nên con lễ Phật.  
 Nếu người sinh nước ấy  
 Không hề đọa ba đường  
 Cùng với A-tu-la  
 Con nay quy mạng lễ.*

**Luận Thập Nghi** chép: Đạo khó hành là ở giữa cõi đời có năm thứ vẫn đục mà cầu A-bệ-bạt trí (Không lui sụt) thì rất khó được. Nói lược có năm:

1. Các ngoại đạo khéo phá rối pháp lành của Bồ-tát.
2. Những người vô lại xấu ác phá đức tốt của người khác.
3. Quả lành điền đảo làm phá hoại phạm hạnh.
4. Thanh văn tự lợi làm chướng ngại đại từ.

5. Chỉ có tự lực (sức một mình) ví như người có tật ở chân đi bộ một ngày chẳng được mấy dặm. Còn đạo dễ thực hành thì tin lời Phật dạy Tam-muội niệm Phật, nương vào năng lực thệ nguyện của Phật Di-đà thì chắc chắn vắng sinh. Như người đi đường sông ngồi thuyền chỉ chốc lát mà vượt ngàn dặm. Cũng như kẻ yếu kém nương năng lực vua Chuyển Luân mà một ngày một đêm đi khắp bốn thiên hạ, không phải năng lực của mình mà do năng lực của Luân vương vậy.

### 3. Luận Đại Trí Độ.

Người ưa chứa nhóm công đức cầu sinh Tịnh độ.

Luận quyển bốn mươi ba hỏi: Pháp Bồ-tát là phải độ sinh, vì sao lại đến cõi Phật Thanh Tịnh Vô Lượng Thọ? Đáp: Bồ-tát có hai loại, 1. Người có tâm từ bi, thường vì chúng sinh. 2. là Bồ-tát ưa chứa nhóm nhiều công đức của các Đức Phật. Người ưa chứa nhóm nhiều công đức thì thích đến cõi nước Nhất thừa thanh tịnh Vô lượng thọ. Người thích thường vì chúng sinh, luôn đến các chỗ không có Phật pháp mà khen ngợi Tam bảo. Lại Luận bốn mươi lăm nói: Bồ-tát có hai loại, một loại trước tự thành tựu công đức mình rồi sau mới độ chúng sinh, loại thứ hai trước thành tựu chúng sinh rồi sau mới thành tựu công đức mình.

Diệu Tông Sao hỏi: Thượng phẩm của kinh Quán là ra khỏi vị, giả hợp với cõi uế mà lợi ích hữu tình, vì sao lại cầu sinh Tịnh độ?

Đáp: Nay Bồ-tát Thập Hương cầu sinh Tịnh độ chính là loại Bồ-tát trước tự thành tựu công đức cho người mà Đại Luận đã nói. Cho nên Luận Thập Nghi nói người chưa được Vô sinh nhẫn thì cần phải thường không lìa Phật mà cầu sinh về nước ấy.

### 4. Luận Đại Trí Độ.

Phật Thích-ca, Phật Di-đà mỗi vị đều có cõi nước uế và tịnh.

Luận ba mươi sáu nói: Nên biết Phật Thích-ca Văn cũng có cõi thanh tịnh như nước Phật A-di-đà, còn Phật A-di-đà cũng có cõi nước không trang nghiêm thanh tịnh như cõi nước của Phật Thích-ca Văn.

Lại quyển ba mươi tám nói: Cõi Diêm-phù vẫn đục nên Phật Thích-ca tuổi thọ ngắn, còn cõi nước kia tốt đẹp nên Phật Di-đà sống

lâu.

**Lại kinh Niết-bàn quyển hai mươi hai** nói: Tây phương cách đây ba mươi hai hằng hà sa cho đến có cõi Vô thắng tất cả trang nghiêm như thế giới An lạc, ta ở nước ấy xuất hiện ra đời.

**Quán kinh sơ** nói: Ứng Phật đều có hai thứ tùy duyên theo vật, dài ngắn khác nhau. Diệu Tông giải thích: Các Phật đều có ba thân viên chứng, Ứng thân độ sinh, tuổi thọ chúng sinh dài ngắn, vì thuận theo mà bày hai thứ. Cho nên Phật Di-đà hiện tuổi thọ dài thì cũng hiện tuổi thọ ngắn, còn Phật Thích-ca hiện thứ xấu thì cũng hiện tuổi thọ dài.

#### 5. Luận Khởi Tín.

Ta-bà chẳng gặp Phật nên chuyên khuyên niệm Phật (của Bồ-tát Mã Minh)

Lại nữa, chúng sinh mới học pháp ấy muốn cầu Chánh tín, nhưng tâm tánh yếu đuối vì ở cõi Ta-bà này sợ chẳng thể thường gặp Phật mà hầu hạ cúng dường, sợ tín tâm khó thành tựu, ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện hay khéo giữ gìn tín tâm. Dạy rằng do nhân duyên chuyên niệm Phật mà tùy nguyện được vãng sinh về các cõi nước Phật phương khác, được thường thấy Phật mà cầu lìa đường ác. Như kinh nói: Nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc, Tây phương, tu các gốc lành đều hồi hướng phát nguyện cầu sinh về thế giới ấy thì liền được vãng sinh, thường được thấy Phật, nên không bao giờ lui sụt. Nếu quán chân như pháp thân của Phật ấy, thường siêng năng tu tập thì rất ráo được sinh, trụ vào Chánh định.

Hiền Thủ Khởi Tín Sơ chép: Vãng sinh có ba bậc.

1. Như hoa sen chưa nở, tín hạnh chưa đủ, chưa gọi là không lui sụt. Chỉ ở chỗ duyên không lui sụt nên gọi là không lui sụt.

2. Tín vị đầy đủ rồi, hoa nở thấy Phật, bước lên giai vị Thập trụ, được phần ít pháp thân, trụ bậc Chánh định.

3. Địa vị Tam hiền đã mãn, lên bậc Sơ địa, chứng biến mãn Pháp thân, sinh vô biên cõi Phật, như Phật đã thọ ký cho ngài Long Thọ... sinh Tịnh độ, trụ bậc Sơ địa... Trong đây rất ráo đều là hai bậc sau. Tứ Minh Dung Tâm giải thích rằng: Cõi này vẫn đực nặng nề, bậc Thập tín mới thoát vòng khổ, còn cõi kia là thắng cảnh nên cả chín phẩm đều không lui sụt. Nay nương cảnh thù thắng kia mà tu quán, đầu lý chưa hiện, kiến ái vẫn còn đủ, nhưng bỏ báo thân này thì liền sinh về nơi không lui sụt. Luận Khởi Tín dạy quán Chân như pháp thân của Đức Phật ấy, vậy nếu không phải dùng một tâm ba quán thì lấy gì mà quán. Nay tôi dùng ba quán giải thích kinh và ý của ngài Mã Minh là không

có chút gì khác nhau. Cho nên Thập Nghi Luận dạy quán tưởng Phật Di-đà có Pháp thân, Báo thân sáng suốt tướng tốt. Cho nên biết hạnh của vắng sinh chính là ba quán, tưởng ba thân ấy, bỏ cõi này cầu cõi kia, sơ tâm không lui sụt, nghĩa ấy đều thành.

#### 6. Pháp Tư Duy Yếu Lược:

Hai căn lợi, độn, quán tướng tốt của Phật.

Quán Phật Vô Lượng Thọ có hai; về người độn căn thì trước tự quán sát cách trán một tấc, trừ bỏ da thịt chỉ thấy xương đỏ. Buộc niệm ở duyên chẳng nghĩ các niệm khác, nếu tâm duyên theo vật khác thì nhiếp khiến trở về. Kế quán kỹ một tấc xương đỏ khiến trắng như ngọc kha. Lại tưởng cả thân hình thành bộ xương trắng không có da thịt. Lại tưởng bộ xương ấy trong suốt như lưu ly có ánh sáng trong suốt thanh tịnh. Lại tưởng từ bộ xương lưu ly ấy phát ra ánh sáng trắng, phát xa thu gần rồi khắp cõi Diêm-phù-đề chỉ thấy ánh sáng không thấy các vật. Lại tưởng ánh sáng ấy chui vào thân. Khi vào rồi thì từ ánh sáng mà quán thấy Phật Vô Lượng Thọ ngồi kiết già, dung nhan vôi vọi như núi vàng ròng chói lợi. Rồi giữ tâm ở Phật, không nghĩ các duyên khác, luôn như ngồi đối diện trước Phật. Còn người lợi căn, thì trước nên quán tưởng ánh sáng trong suốt sáng sạch. Rồi trong ánh sáng tưởng thấy Phật thì sẽ thấy. Người tu nếu muốn sinh về nước ấy nên thực hành pháp quán này. Kế quán các pháp đều là vắng lặng. Đối với chúng sinh luôn sinh khởi tâm đại bi. Có bao nhiêu gốc lành đều hồi hướng hết cả, nguyện sinh nước ấy thì liền được vắng sinh.

Pháp trên thấy trong Đại tạng hàm chữ Đồ. Xét rõ văn ấy không phải Phật nói, lại chẳng ghi chép Bồ-tát nào viết ra, đây là bài dịch của ngài Cửu-ma-la-thập, chắc cũng là loại giáo điển ở Tây Trúc. Nay chép lại để giúp việc tư tu.

#### 7. Tôn hiệu của Phật A-di-đà

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới tam thập lục vạn ức nhất thập nhất vạn cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật.

Thuở xưa Phật Thích-ca Mâu-ni ở đời đi hành hóa đến một ngôi nhà nọ, thấy hai ông bà đem một đấu gạo để ghi số niệm Phật A-di-đà mà nguyện sinh Tịnh độ. Phật bảo: Ta có cách khác khiến các người trong một tiếng mà niệm được nhiều gạo. Bèn dạy niệm danh hiệu Phật.

Nói về danh hiệu Phật trên, các kinh Tịnh độ chẳng thấy nói. Đầu tiên nhân Thiên sư Phi Tích, đời Đường trong Luận Bảo Vương, lấy hiệu Phật này làm pháp môn Nhất niệm đa Phật. Kế đó, quan thị lang



họ Vương xưa trong Trục Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập cũng dùng theo. Sau cùng trong Văn Long Thơ Tịnh độ rộng khuyên người thọ trì danh hiệu ấy, bảo rằng: Có lần đem các thứ lúa so sánh thì một hợp có một ngàn tám trăm hạt. Nếu một lần xưng niệm danh hiệu ấy thì có gấphai ngàn lần số hạt thóc. Từ đó dạy người niệm danh hiệu ấy thì công đức không thể suy nghĩ bàn luận. Xét luận Bảo Vương không ghi trích ở kinh luận nào. Nay nghĩ rằng người tụng niệm muốn biết nên chép ra đây.